

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH**  
**KHOA NGỮ VĂN**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**GIÁO VIÊN TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**  
**MÔN NGỮ VĂN**

**TP. Hồ Chí Minh – 2008**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**  
**MÔN NGỮ VĂN**

**Tên khoa:** NGỮ VĂN

**Điện thoại:** 08.38306772 hoặc 08 3835 2020 (Ext 105, 106)

**Website:** <http://nv.hcmup.edu.vn>      **E-mail:** [tiengviet@hcm.fpt.vn](mailto:tiengviet@hcm.fpt.vn)

**Tên ngành đào tạo:** Sư phạm Ngữ văn

**Trình độ đào tạo:** Đại học

**Văn bằng được cấp:** Bằng tốt nghiệp cử nhân

**Loại hình đào tạo:** Chính quy

**Chương trình đào tạo được tổ chức:** Tại nhiều địa điểm của trường

**Tình trạng của bản báo cáo:** Tự đánh giá lần đầu

## MỤC LỤC

	Trang
I. PHẦN GIỚI THIỆU CHUNG .....	4
II. PHẦN TỰ ĐÁNH GIÁ .....	10
A. Mục đích tự đánh giá, phạm vi và nhóm thực hiện việc tự đánh giá.....	10
B. Tóm tắt quá trình triển khai tự đánh giá.....	11
C. Đánh giá theo các tiêu chuẩn .....	11
Tiêu chuẩn 1.....	11
Tiêu chuẩn 2.....	21
Tiêu chuẩn 3.....	39
Tiêu chuẩn 4.....	56
Tiêu chuẩn 5.....	67
Tiêu chuẩn 6.....	73
Tiêu chuẩn 7.....	76
D. Kết quả đạt được và kiến nghị .....	80
PHỤ LỤC .....	82

## I. PHẦN GIỚI THIỆU CHUNG

### 1. Tên đơn vị chịu trách nhiệm chính về chương trình đào tạo giáo viên trung học phổ thông:

Khoa Ngữ văn

### 2. Địa chỉ: Nhà H, 280 An Dương Vương, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

### 3. Số điện thoại liên hệ: 08. 38306772 hoặc 08 3835 2020 (Ext 105, 106)

**E-mail:** [tiengviet@hcm.fpt.vn](mailto:tiengviet@hcm.fpt.vn)    **Website:** <http://nv.hcmup.edu.vn>

### 4. Giới thiệu ngắn gọn về nguồn gốc, lịch sử phát triển, chức năng, nhiệm vụ, quy mô đào tạo hiện tại, cơ cấu tổ chức của đơn vị

## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Khoa Ngữ văn Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh được thành lập từ tháng 5 năm 1976. Ngay từ khi mới thành lập, bên cạnh việc bắt đầu tuyển sinh và giảng dạy khóa I, Khoa còn tiếp tục đào tạo hàng trăm sinh viên của Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn trước đây. Lúc này, quy mô của Khoa còn khá nhỏ bé. Về nhân sự, ngoài một số ít giảng viên tại chỗ, phần lớn giảng viên thế hệ đầu tiên của Khoa là từ các trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Sư phạm Vinh, Đại học Sư phạm Việt Bắc chuyển vào.

Cùng với sự lớn mạnh của Trường, lực lượng giảng viên của Khoa được tăng cường từ nhiều nguồn: giảng viên được đào tạo ở nước ngoài về, giảng viên từ các trường đại học trên cả nước chuyển đến, sinh viên xuất sắc của các trường đại học khác và của Khoa được tiếp nhận.

Hiện nay, Khoa Ngữ văn có 44 giảng viên và 3 nhân viên văn phòng (không tính 4 giảng viên mới tiếp nhận trong tháng 11 năm 2008). Trong đó có 8 Phó giáo sư – Tiến sĩ, 14 Tiến sĩ (không tính 8 Tiến sĩ là Phó giáo sư), 14 Thạc sĩ và 8 cử nhân.

**Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên**

Số TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
1	Cán bộ cơ hữu	20	27	47
1.1.	Cán bộ trong biên chế	18	25	43
1.2.	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ một năm trở lên)	2	2	4
2	Các cán bộ khác (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng)	3	1	4
	Tổng số	23	28	51

**Thống kê phân loại giảng viên**

Số TT	Trình độ, học vị, chức danh		Số lượng giảng viên	Giảng viên cơ hữu			Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên quốc tế
				Giảng viên trong biên chế trực tiếp giảng dạy	Giảng viên hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lí		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Giáo sư, viện sĩ							
2	Phó giáo sư		12	5		3	4	
3	Tiến sĩ khoa học							
4	Tiến sĩ		14	13		1		
5	Thạc sĩ		14	14				
6	Đại học		8	8				
7	Cao đẳng							
8	Trình độ khác							
9	Tổng số		48	40		4	4	

**Tổng số học sinh đăng kí dự thi đại học vào Khoa, số sinh viên trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy, đào tạo theo ngân sách)**

Năm học	Số thí sinh dự thi	Số trúng tuyển	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế	Điểm đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển <sup>1</sup>	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học
2004 – 2005	4159	107	38.8	107	19.5	19.28	
2005 – 2006	4529	94	48	94	17.5	17.69	
2006 – 2007	3917	127	30	127	17.5	17.40	
2007 – 2008	3479	139	25	139	17.0	17.41	
2008 – 2009	2951	147	20	147	18.5	18.62	

Đến nay, các giảng viên Khoa Ngữ văn có gần 100 đầu sách đã được xuất bản. Nhiều giảng viên tham gia biên soạn, thẩm định sách giáo khoa trung học cơ sở và trung học phổ thông.

Hơn 30 năm qua, Khoa Ngữ văn đã đào tạo 7427 cử nhân các hệ (trong đó có 4085 sinh viên hệ chính quy, 2511 sinh viên hệ tại chức, 831 sinh viên hệ chuyên tu), 349 Thạc sĩ và 24 Tiến sĩ Ngữ văn.

Khoa Ngữ văn đã vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba của Chủ tịch nước (năm 1996) và bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo (năm 2005).

### **BAN CHỦ NHIỆM KHOA QUA CÁC THỜI KỲ**

#### **1976 – 1977:**

– Q. Trưởng Khoa: GVC. Nguyễn Gia Phương

– Phó Trưởng Khoa: GVC. Hồ Văn Nho

#### **1977 – 1985:**

– Trưởng Khoa: PGS. Hoàng Nhân

– Phó Trưởng Khoa: GVC. Nguyễn Gia Phương

<sup>1</sup> Một số đối tượng được tuyển thẳng (học sinh giỏi, đoạt giải quốc gia, dân tộc ít người) không có điểm tuyển sinh.

GVC. Hồ Văn Nho (1977 – 1983)

PGS.TS. Nguyễn Tấn Phát (1982 – 1984)

GS.TSKH. Lê Ngọc Trà (1984 – 1985)

**1985 – 1988:**

– Trưởng Khoa: PGS. Cù Đình Tú

– Phó Trưởng Khoa: GVC. Lê Văn Trúc  
TS. Lâm Vinh

**1988 – 1996:**

– Trưởng Khoa: GVC. Trần Hoán

– Phó Trưởng Khoa: PGS.TS. Trần Hữu Tá  
PGS.TS. Hồ Sĩ Hiệp

**1996 – 1997:**

– Q Trưởng Khoa: PGS.TS. Trần Hữu Tá

– Phó Trưởng Khoa: PGS.TSKH. Bùi Mạnh Nhị  
PGS.TS. Hồ Sĩ Hiệp

**1997 – 2000:**

– Trưởng Khoa: PGS.TSKH. Bùi Mạnh Nhị

– Phó Trưởng Khoa: PGS.TS. Hồ Sĩ Hiệp  
PGS.TS. Đoàn Thị Thu Vân  
PGS.TS. Trịnh Sâm

**2000 – 2003:**

– Trưởng Khoa: PGS.TS. Đoàn Thị Thu Vân

– Phó Trưởng Khoa: PGS.TS. Hồ Sĩ Hiệp  
PGS.TS. Trịnh Sâm  
TS. Trần Hoàng

**2003 – nay:**

– Trưởng Khoa: PGS.TS. Trịnh Sâm

– Phó Trưởng Khoa: PGS. TS. Lê Thu Yến  
PGS.TS. Bùi Mạnh Hùng  
TS. Nguyễn Thành Thi

## CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ

1. Đào tạo *Cử nhân Ngữ văn Sư phạm* hệ chính quy (4 năm) và các hệ chuyên tu, tại chức, để cung cấp đội ngũ giáo viên dạy môn Ngữ văn cho các trường trung học phổ thông ở các tỉnh thành phía Nam.

2. Đào tạo *Cử nhân Ngữ văn (ngoài sư phạm)* hệ chính quy (4 năm) và tại chức. Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể làm việc trong các lĩnh vực cần sử dụng nhiều kiến thức và kỹ năng của ngành Ngữ văn như báo chí truyền thông, văn hóa thông tin, xuất bản, v.v.

3. Đào tạo *Cử nhân Việt Nam học* hệ chính quy (4 năm), gồm các chuyên ngành: Văn học Việt Nam, Việt ngữ học, Văn hóa du lịch. Hiện Khoa đang tập trung đào tạo chuyên ngành Văn hóa du lịch, nhằm cung cấp đội ngũ hướng dẫn viên du lịch có hiểu biết sâu rộng về văn hóa, có kỹ năng và nghiệp vụ tốt, đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch của đất nước.

4. Đào tạo *Cử nhân tiếng Việt* cho sinh viên nước ngoài, nhằm trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng tiếng Việt để có thể nghiên cứu, giảng dạy tiếng Việt trong các trường đại học, cao đẳng ở nước ngoài, làm nhân viên cho các cơ quan ngoại giao tại Việt Nam, phiên dịch cho các công ty nước ngoài.

5. Đào tạo *Thạc sĩ* ở các chuyên ngành: Văn học Việt Nam, Ngôn ngữ học, Lý luận văn học, Văn học nước ngoài, Phương pháp giảng dạy văn học, Phương pháp giảng dạy tiếng Việt; đào tạo *Tiến sĩ* ở 3 chuyên ngành: Văn học Việt Nam, Văn học nước ngoài (Văn học Trung Quốc), Lý luận ngôn ngữ học, để nâng cao trình độ cho đội ngũ giảng viên các trường Đại học và Cao đẳng, cho cán bộ nghiên cứu và cán bộ quản lý của các viện nghiên cứu, các sở giáo dục – đào tạo ở các tỉnh thành phía Nam.

6. Bồi dưỡng thường xuyên để cập nhật kiến thức và thông tin cho giáo viên trung học phổ thông các tỉnh phía Nam.

## CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA ĐƠN VỊ (KHOA)

Cơ cấu điều hành hoạt động đào tạo của Khoa gồm các thành phần sau:

– Ban chủ nhiệm Khoa: gồm trưởng khoa và 3 phó trưởng khoa.

– Hội đồng khoa học Khoa có 15 thành viên.

– Hội đồng liên tịch có 11 thành viên; gồm Ban chủ nhiệm Khoa, Bí thư chi bộ, Chủ tịch công đoàn Khoa, các chủ nhiệm bộ môn.



– Các bộ môn: 6 bộ môn: Ngôn ngữ học, Văn học Việt Nam, Văn học nước ngoài, Lí luận văn học, Hán Nôm, Phương pháp dạy học. Đứng đầu là các chủ nhiệm bộ môn.

– Tổ văn phòng.

#### **5. Các lãnh đạo đơn vị (khoa): họ tên, học hàm, học vị, điện thoại, e-mail:**

– Trưởng Khoa: PGS. TS. **Trịnh Sâm**

Điện thoại: 0903748079. E-mail: [trinhsam0505@yahoo.com.vn](mailto:trinhsam0505@yahoo.com.vn)

– Phó trưởng Khoa: PGS. TS. **Lê Thu Yến**

Điện thoại: 0908161239. E-mail: [yenthuth@yahoo.com](mailto:yenthuth@yahoo.com)

– Phó trưởng Khoa: PGS. TS. **Bùi Mạnh Hùng**

Điện thoại: 0903319940. E-mail: [hungduy@hcm.fpt.vn](mailto:hungduy@hcm.fpt.vn)

– Phó trưởng Khoa: TS. **Nguyễn Thành Thi**

Điện thoại: 0918281632. E-mail: [nguyenthanhthi57@gmail.com](mailto:nguyenthanhthi57@gmail.com)

#### **6. Tổng số cán bộ cơ hữu hiện tại của đơn vị (khoa): 47 (chưa tính 4 giảng viên mới tiếp nhận tháng 11 năm 2008)**

Trong đó: Nam: 20 Nữ: 27

Biên chế: 43 Hợp đồng: 4

#### **7. Liệt kê các kế hoạch, chương trình hành động (nếu có) nhằm nâng cao chất lượng đào tạo chương trình đào tạo giáo viên trung học phổ thông**

– Phát triển nhanh đội ngũ giảng viên. Ưu tiên tiếp nhận giảng viên trẻ và tạo điều kiện để các giảng viên trẻ được đi học nước ngoài sớm.

– Mở rộng hợp tác quốc tế về đào tạo và nghiên cứu khoa học. Nghiên cứu kinh nghiệm các nước để đổi mới nội dung chương trình và phương pháp dạy học.

– Tổ chức hội nghị khoa học dành cho giảng viên và sinh viên.

– Tổ chức hội thi nghiệp vụ sư phạm.

– Tăng cường hoạt động thu thập ý kiến sinh viên và nhà tuyển dụng về hoạt động đào tạo.

– Tham gia tích cực và đóng vai trò ngày càng quan trọng hơn trong việc xây dựng chương trình và biên soạn sách giáo khoa trung học phổ thông.

## II. PHẦN TỰ ĐÁNH GIÁ

### A. Mục đích tự đánh giá, phạm vi và hội đồng tự đánh giá

– **Mục đích đánh giá:** Nâng cao chất lượng đào tạo và đăng kí kiểm định chương trình đào tạo giáo viên trung học phổ thông, môn Ngữ văn, trình độ đại học.

– **Phạm vi tự đánh giá:** Đánh giá các hoạt động đào tạo giáo viên trung học phổ thông thể hiện trên 7 lĩnh vực, tương ứng với 7 tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

1. Mục tiêu, tổ chức và quản lý đào tạo giáo viên trung học phổ thông
2. Chương trình và các hoạt động đào tạo giáo viên trung học phổ thông
3. Đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo giáo viên trung học phổ thông
4. Người học và công tác hỗ trợ người học
5. Thư viện, trang thiết bị dạy học và cơ sở vật chất khác hỗ trợ chương trình đào tạo giáo viên trung học phổ thông
6. Công tác tài chính phục vụ chương trình đào tạo giáo viên trung học phổ thông
7. Công tác đánh giá sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo giáo viên trung học phổ thông và tư vấn việc làm

– **Nhóm tự đánh giá của Khoa:**

Số TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Bùi Mạnh Hùng	Phó giáo sư, Phó trưởng Khoa	Trưởng nhóm
2	Hoàng Dũng	Phó giáo sư	Thành viên
3	Trịnh Sâm	Phó giáo sư, Trưởng Khoa	Thành viên
4	Nguyễn Thành Thi	Phó trưởng Khoa	Thành viên
5	Nguyễn Hữu Nghĩa	Giảng viên	Thành viên

### B. Tóm tắt quá trình triển khai tự đánh giá

Quá trình thực hiện tự đánh giá bắt đầu từ tháng 10 năm 2007 và kết thúc vào tháng 11 năm 2008. Những thông tin và bằng chứng được thu thập từ các văn bản lưu trữ của Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, của Khoa Ngữ văn và từ những trao đổi, phỏng vấn giảng viên, cán bộ quản lý của nhóm thực hiện tự đánh giá. Các phân tích, đánh giá được các thành viên trong nhóm đánh giá thực hiện độc lập, sau đó

trao đổi, thảo luận, góp ý và xây dựng thành văn bản thống nhất. Các phân tích, đánh giá đó đều được chứng minh bằng các minh chứng.

### **C. Đánh giá theo các tiêu chuẩn**

#### **Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu, cơ cấu tổ chức, quản lý đào tạo và công tác đánh giá hoạt động đào tạo giáo viên trung học phổ thông**

##### **Mở đầu:**

Trong quá trình xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo, Khoa Ngữ văn luôn xác định rõ và đúng hướng mục tiêu đào tạo. Khoa có cơ cấu tổ chức, quản lý đào tạo tương đối hợp lý và tiến hành công tác đánh giá hoạt động đào tạo khá tích cực và đều đặn, nói chung là mỗi năm một lần.

*Tiêu chí 1.1:* Mục tiêu đào tạo giáo viên trung học phổ thông đáp ứng mục tiêu giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục và mục tiêu đào tạo khối ngành sư phạm trình độ đại học.

##### **1. Mô tả**

Mục tiêu của Khoa (liên quan trực tiếp đến chương trình đào tạo giáo viên) là:

Đào tạo cử nhân sư phạm Ngữ văn đạt chất lượng cao [1.1-1], làm nòng cốt cho đội ngũ giáo viên Ngữ văn trung học phổ thông ở các tỉnh phía Nam. Sinh viên của Khoa sau khi tốt nghiệp phải có ý thức công dân, có tinh thần trân trọng đối với những giá trị văn học của dân tộc, có kỹ năng sống hòa nhập với cộng đồng và tinh thần làm việc tập thể; có năng lực tư duy tốt, có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo, trước hết là trong khoa học, sau đó là trong thực tiễn cuộc sống; có kiến thức sâu sắc trong các lĩnh vực tổng quát, đại cương và trong ngành Ngữ văn; có nghiệp vụ sư phạm vững vàng; có kỹ năng giao tiếp tốt đủ đáp ứng yêu cầu đối với một giáo viên Ngữ văn ở trường trung học phổ thông [1.1-2].

Theo Luật Giáo dục của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định, mục tiêu của giáo dục đại học là đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương ứng

với trình độ đào tạo, có sức khoẻ, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo [1.1-3].

Theo Chương trình Khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, mục tiêu đào tạo khối ngành sư phạm trình độ đại học là có kiến thức vững vàng về khoa học cơ bản và khoa học giáo dục, có kỹ năng sư phạm; đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay [1.1-4].

Xét trên các nội dung cơ bản, mục tiêu đào tạo của Khoa phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục và Chương trình Khung Khối ngành Sư phạm, trong đó nổi bật nhất là mục tiêu về phẩm chất, đạo đức; mục tiêu về kiến thức chuyên môn, năng lực và kỹ năng nghề nghiệp; mục tiêu về kỹ năng sống. Có thể nói mục tiêu đào tạo của Khoa là sự cụ thể hóa mục tiêu giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục và Chương trình Khung Khối ngành Sư phạm theo nguyên tắc tuân thủ những quy định chung, nhưng có chú ý thích đáng đến những đặc trưng của ngành nghề đào tạo.

## **2. Những điểm mạnh**

Là một khoa có nhiệm vụ chính là đào tạo giáo viên Ngữ văn trung học phổ thông, mục tiêu đào tạo của Khoa là khá rõ ràng. Mục tiêu đó vừa tuân thủ về mục tiêu đào tạo đại học được quy định chung trong Luật Giáo dục và Chương trình Khung Khối ngành Sư phạm vừa chú ý thích đáng đến những đặc trưng của lĩnh vực đào tạo giáo viên Ngữ văn trung học phổ thông.

## **3. Những tồn tại**

Mục tiêu đào tạo chung của Khoa thì không thay đổi và dễ xác định, nhưng việc cụ thể hóa mục tiêu đó là vấn đề có nhiều quan điểm khác nhau. Điều đó gây những lúng túng nhất định trong việc xác định những mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo.

## **4. Kế hoạch hành động**

(1) Nghiên cứu, học tập kinh nghiệm đào tạo giáo viên ngữ văn ở các nước để cụ thể hóa tốt hơn mục tiêu đào tạo, thích hợp với thời đại hội nhập.

(2) Nâng cao năng lực của đội ngũ lãnh đạo Khoa và các tổ bộ môn để có khả năng đáp ứng yêu cầu mới của một nền giáo dục đang biến đổi sâu sắc về triết lí và mục tiêu bằng cách đề nghị nhà trường tổ chức các khóa bồi dưỡng cán bộ quản lí ngắn hạn cho đội ngũ cán bộ cấp Khoa, cải thiện điều kiện làm việc của đối tượng này.

## **5. Tự đánh giá:**

Đạt tiêu chí đánh giá.

**Tiêu chí 1.2:** Mục tiêu đào tạo giáo viên trung học phổ thông đáp ứng tiêu chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông, phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương; có nội dung cụ thể, rõ ràng; được định kỳ rà soát, bổ sung, cập nhật và điều chỉnh theo hướng cải tiến, nâng cao chất lượng.

### **1. Mô tả**

Mục tiêu đào tạo giáo viên môn Ngữ văn trung học phổ thông của Khoa đáp ứng tiêu chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông, phù hợp với thực tiễn của nhà trường; có nội dung cụ thể, rõ ràng; được định kỳ rà soát, bổ sung, cập nhật và điều chỉnh theo hướng cải tiến, nâng cao chất lượng [1.1-2, 1.2-5].

Trong khuôn khổ quan niệm truyền thống về người thầy, từ lâu Khoa đã chú ý đào tạo ra những giáo viên nắm vững khoa học cơ bản và khoa học sư phạm, có kĩ năng giảng dạy tốt, có đạo đức nghề nghiệp. Tuy nhiên, mục tiêu đó chỉ được công nhận một cách mặc ẩn chứ không được thể hiện hiển ngôn trên văn bản, vì trong một thời gian dài, chương trình đào tạo chỉ đơn giản là một danh sách các học phần và thời lượng dạy học. Gần đây, với sự đổi mới quan niệm về xây dựng chương trình, mục tiêu đào tạo của Khoa có nội dung cụ thể hơn, rõ ràng hơn, phù hợp với tiêu chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông, đặc biệt là được thể hiện hiển ngôn trên văn bản (xem phần mô tả ở tiêu chí 1.1.) [1.1-2].

### **2. Những điểm mạnh**

Mục tiêu của Khoa là cụ thể, rõ ràng và có tính cập nhật. Trong tương quan với nhiều khoa trong trường và với những khoa cùng chuyên ngành trên cả nước, Khoa có đội ngũ giảng viên tương đối vững về chuyên môn để thực hiện mục tiêu đó (xem Tiêu chuẩn về đội ngũ).

### 3. Những tồn tại

– Cho đến nay, văn bản chính thức của Bộ Giáo dục và Đào tạo về các tiêu chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông vẫn chưa được ban hành. Vì vậy, việc xây dựng mục tiêu đào tạo đáp ứng các tiêu chuẩn đó chủ yếu dựa vào quan niệm và kinh nghiệm của những cán bộ lãnh đạo, quản lý của Khoa.

– Thực tiễn cuộc sống nảy sinh nhiều tiêu cực và nhiều vấn đề phức tạp. Đó là một thách thức đối với việc xây dựng và thực hiện mục tiêu đào tạo giáo viên trung học phổ thông đáp ứng tiêu chuẩn nghề nghiệp, đặc biệt là tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp, về lòng yêu nghề, về thái độ và quan niệm về cái đẹp, một phạm trù gắn bó mật thiết với lĩnh vực dạy học môn Ngữ văn.

### 4. Kế hoạch hành động

(1) Đề đào tạo được những giáo viên trung học phổ thông đáp ứng tiêu chuẩn nghề nghiệp, xét trên những nội dung cơ bản, mục tiêu đào tạo của Khoa từ trước đến nay không thay đổi. Tuy nhiên, trong mỗi giai đoạn phát triển của đất nước, mục tiêu đó có thể có những biểu hiện cụ thể khác nhau. Trong tình hình mới, với yêu cầu mới từ cuộc sống, mục tiêu đó có thể được bổ sung thêm những nội dung mới. Sắp tới, khi xây dựng chương trình đào tạo theo hướng tín chỉ, Khoa sẽ tiếp tục cập nhật để xây dựng mục tiêu đào tạo thích hợp hơn.

(2) Xây dựng và tích cực thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên trẻ. Tạo điều kiện cho các giảng viên trẻ được học tập, tu dưỡng để có thể thực hiện tốt mục tiêu đào tạo của Khoa trong tình hình mới.

### 5. Tự đánh giá:

Đạt tiêu chí đánh giá.

**Tiêu chí 1.3:** Có cơ cấu hợp lý để tổ chức và quản lý đào tạo giáo viên trung học phổ thông; thực hiện đào tạo và quản lý đào tạo có chất lượng, hiệu quả.

#### 1. Mô tả

Cơ cấu của Khoa gồm các thành phần sau:

Ban chủ nhiệm Khoa: gồm trưởng khoa và 3 phó trưởng khoa.

Hội đồng khoa học Khoa có 15 thành viên; gồm Ban chủ nhiệm Khoa, các chủ nhiệm bộ môn và tất cả các phó giáo sư của Khoa. Chủ nhiệm khoa kiêm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng, có một thành viên đảm nhiệm chức vụ thư kí Hội đồng.

Hội đồng liên tịch có 11 thành viên; gồm Ban chủ nhiệm Khoa, Bí thư chi bộ, Chủ tịch công đoàn Khoa, các chủ nhiệm bộ môn.

Các bộ môn: 6 bộ môn: Ngôn ngữ học, Văn học Việt Nam, Văn học nước ngoài, Lí luận văn học, Hán Nôm, Phương pháp dạy học. Đứng đầu là các chủ nhiệm bộ môn.

Tổ văn phòng, gồm một thư kí phụ trách công tác tổ chức sinh viên và một thư kí giáo vụ. Ngoài ra, có một trợ lí giáo vụ và một trợ lí phụ trách tủ sách của Khoa do giảng viên kiêm nhiệm.

Ban chủ nhiệm Khoa chịu trách nhiệm điều hành, quản lí tất cả các hoạt động hành chính và chuyên môn (gồm hai mảng chính là đào tạo và nghiên cứu khoa học). Các thành viên trong Ban chủ nhiệm Khoa phân công trực Khoa hàng ngày để giải quyết công việc sự vụ [1.3-6, 1.3-7].

## **2. Những điểm mạnh**

Sự phân công giữa các thành viên trong Ban chủ nhiệm Khoa và trong các tổ bộ môn là rõ ràng. Phát huy được thế mạnh của từng người.

## **3. Những tồn tại**

- Trong nhiệm kì tới có sự hụt hẫng ở nhiều vị trí lãnh đạo trong Khoa.
- Cơ chế quản lí còn lạc hậu, nhiều công việc sự vụ khiến cho một giảng viên kiêm nhiệm công tác quản lí không thể hoàn thành tốt cả hai việc.

## **4. Kế hoạch hành động**

(1) Tích cực bồi dưỡng đội ngũ giảng viên kế cận, chú ý đến những giảng viên có tố chất làm công tác quản lí.

(2) Cùng nhà trường xây dựng cơ chế quản lí hợp lí hơn để phát huy được năng lực, khuyến khích được tinh thần lao động của giảng viên, nhất là giảng viên làm công tác quản lí.

## 5. Tự đánh giá:

Chưa đạt tiêu chí đánh giá.

**Tiêu chí 1.4:** Đội ngũ cán bộ quản lý đào tạo giáo viên trung học phổ thông đáp ứng các tiêu chuẩn quy định trong Điều lệ trường đại học, được phân định rõ ràng về trách nhiệm và quyền hạn cho từng cán bộ quản lý.

### 1. Mô tả

Đội ngũ cán bộ quản lý đào tạo giáo viên trung học phổ thông của Khoa Ngữ văn đáp ứng các tiêu chuẩn quy định trong Điều lệ trường đại học [1.4-9], được phân định rõ ràng về trách nhiệm và quyền hạn. Tất cả 4 người trong Ban chủ nhiệm Khoa đều là tiến sĩ, trong đó có 3 phó giáo sư. Trong 6 tổ bộ môn, có 5 chủ nhiệm bộ môn là tiến sĩ, trong đó có 1 phó giáo sư.

Ban chủ nhiệm Khoa được phân công như sau:

Trường khoa phụ trách chung và các mảng: tổ chức, nhân sự; thi đua; đối ngoại;

Một Phó trưởng khoa phụ trách về đào tạo hệ Cử nhân sư phạm Ngữ văn chính quy, gồm xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo và chịu trách nhiệm thực hiện đúng chương trình và kế hoạch đào tạo đã đề ra;

Một Phó trưởng khoa phụ trách về hoạt động nghiệp vụ sư phạm (trong đó quan trọng nhất là công tác thực tập sư phạm) và công tác đoàn, hội của sinh viên;

Một Phó trưởng khoa phụ trách về đào tạo sau đại học, đào tạo hệ Cử nhân sư phạm Ngữ văn phi chính quy (tại chức, chuyên tu), nghiên cứu khoa học, tài chính.

Hội đồng khoa học chịu trách nhiệm tư vấn các vấn đề về đào tạo và nghiên cứu khoa học trong phạm vi Khoa.

Các chủ nhiệm bộ môn chịu trách nhiệm điều hành, quản lý các bộ môn; chủ yếu là nội dung chương trình có liên quan đến các học phần của bộ môn, phân công giảng viên giảng dạy.

Thư kí tổ chức chịu trách nhiệm quản lý hồ sơ, kết quả học tập của sinh viên. Thư kí giáo vụ chịu trách nhiệm phần văn thư, sắp xếp thời khóa biểu học tập và thi. Ngoài những phần mà mỗi người được phân công phụ trách, có những công việc thư



kí tổ chức và thư kí giáo vụ phối hợp thực hiện. Trợ lí giáo vụ có nhiệm vụ hỗ trợ thư kí giáo vụ trong việc sắp xếp lịch thi và một số công việc khác thuộc lĩnh vực đào tạo.

Khoa có nhiều giảng viên có chức danh khoa học và học vị cao, có đạo đức tốt, vì vậy việc bầu chọn cán bộ quản lý đáp ứng các tiêu chuẩn quy định trong Điều lệ trường đại học không quá khó.

Tất cả cán bộ quản lý đều là những giảng viên có uy tín về chuyên môn, làm việc công tâm. Việc phân công trách nhiệm rõ ràng và tương đối hợp lý. Mỗi người ở từng vị trí một đều có những đóng góp đáng kể đối với sự phát triển của Khoa.

Tuy nhiên, hầu hết các cán bộ quản lý của Khoa đều chưa được đào tạo về lĩnh vực quản lý. Vì vậy, việc quản lý, điều hành ở Khoa chủ yếu dựa vào khả năng sáng tạo cá nhân và kinh nghiệm tích lũy.

Thiếu đội ngũ kế cận, do một khoảng thời gian dài, theo chủ trương hạn chế biên chế chung của hệ thống các trường đại học của Việt Nam vào những năm 80 – 90 của thế kỉ trước, Khoa ít tiếp nhận giảng viên mới. Hiện nay số giảng viên có đủ kinh nghiệm thực tiễn, có uy tín về chuyên môn và đáp ứng yêu cầu về tuổi tác để đảm nhiệm nhiệm vụ lãnh đạo Khoa là không nhiều. Đó là chưa kể việc làm quản lí ở khoa trong bối cảnh hiện nay khiến nhiều người nản lòng vì sự trì trệ và quan liêu của hệ thống.

## **2. Những điểm mạnh**

Các thành viên trong Ban chủ nhiệm Khoa và 5 trên 6 chủ nhiệm bộ môn đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định trong Điều lệ trường đại học.

## **3. Những tồn tại**

– Trách nhiệm và quyền hạn đối với những cán bộ quản lí cấp Khoa không đi đôi với nhau. Trách nhiệm thì lớn nhưng quyền hạn rất hạn chế, vì không có quyền tự chủ.

– Nhiều công việc có tính chất sự vụ làm cản trở việc thực hiện trách nhiệm của các cán bộ lãnh đạo Khoa. Những người này chỉ mới cố gắng hoàn thành chức trách của một người quản lý, chứ chưa hoàn thành được sứ mệnh của người lãnh đạo.

#### **4. Kế hoạch hành động**

(1) Đề nghị nhà trường có những khóa đào tạo cán bộ quản lý ngắn hạn để đào tạo cán bộ quản lý cấp khoa (đĩ nhiên đó phải là những khóa đào tạo cán bộ quản lý thực sự có chất lượng, chứ không phải chỉ để hợp thức hóa bằng một chương trình đào tạo lạc hậu với những phương pháp lạc hậu).

(2) Chú ý bồi dưỡng và động viên các giảng viên trẻ, để họ có đủ khả năng và sẵn lòng đảm nhiệm công việc quản lý khi Khoa có nhu cầu.

(3) Đề nghị nhà trường từng bước thay đổi cách thức quản lí, để Khoa có quyền tự chủ nhiều hơn, giảm bớt thời gian lo công việc sự vụ, nhờ đó các cán bộ quản lí, lãnh đạo ở Khoa có điều kiện chăm lo nhiều hơn đến công tác đào tạo và nâng cao chất lượng.

#### **5. Tự đánh giá:**

Đạt tiêu chí đánh giá.

***Tiêu chí 1.5:*** Các hoạt động đào tạo giáo viên trung học phổ thông được định kỳ đánh giá và cải tiến nâng cao chất lượng.

##### **1. Mô tả**

Đánh giá định kỳ các hoạt động đào tạo giáo viên trung học phổ thông là một công việc cần thiết nhằm xác định rõ những điểm mạnh và điểm hạn chế của đơn vị đào tạo và kịp thời xây dựng kế hoạch thích hợp để nâng cao chất lượng đào tạo của đơn vị.

Trong bối cảnh kinh tế xã hội Việt Nam có những biến đổi mạnh mẽ, giáo dục của Việt Nam ngày càng hội nhập với thế giới, việc đổi mới không ngừng nội dung và phương thức đào tạo giáo viên trung học phổ thông là một tất yếu. Việc đổi mới đó dĩ nhiên phải được dựa trên những đánh giá nhằm định vị được vị trí của đơn vị đào tạo trong bối cảnh chung của nhà trường cũng như của nền giáo dục nước nhà. Như vậy, việc đánh giá định kỳ các hoạt động đào tạo giáo viên của Khoa vừa xuất phát từ những vận động, phát triển nội tại của bản thân đơn vị để tự hoàn thiện mình, vừa nhằm đáp ứng những yêu cầu mới từ thực tế khách quan.

Hằng năm, Khoa phát phiếu thăm dò ý kiến của sinh viên về công tác đào tạo trong năm, cụ thể ở các mặt: nội dung chương trình, cơ cấu, thời lượng, hiệu quả, các hoạt động có liên quan đến chất lượng đào tạo [1.5-10].

Qua việc nghiên cứu, phân tích các phiếu thăm dò, Ban chủ nhiệm Khoa có thể nắm được những đánh giá của đối tượng được đào tạo, từ đó có định hướng đúng trong việc cải tiến nội dung và phương pháp đào tạo. Khi việc giảng dạy của giảng viên có những biểu hiện không thích hợp, nhờ việc thăm dò ý kiến của sinh viên, Khoa có thể nắm bắt kịp thời và trao đổi với giảng viên để rút kinh nghiệm.

Ngoài ra, việc đánh giá định kì các hoạt động đào tạo giáo viên còn được thực hiện trong khuôn khổ từng bộ môn và Khoa trong các kì sơ kết học kì và tổng kết năm học [1.5-11].

Tuy vậy, hình thức và phương pháp đánh giá, nói chung, còn theo những thói quen rất cũ. Qua đánh giá, nhiều điểm tồn tại đã được nhận ra nhưng chậm khắc phục, vì dường như những điểm tồn tại này là một khuyết tật “thâm căn cố đế” của quy trình đào tạo giáo viên của Việt Nam nói chung. Việc chậm được khắc phục một phần do những lí do khách quan, một phần do những yếu tố chủ quan, chẳng hạn việc chỉ ra cụ thể hạn chế của từng giảng viên để họ rút kinh nghiệm là rất khó khăn vì dễ va chạm.

Cơ chế truyền thông giữa các khoa và nhà trường còn chưa khuyến khích việc nâng cao chất lượng đánh giá định kì của các khoa. Rất nhiều đề nghị của các khoa nhằm nâng cao chất lượng đào tạo không có phản hồi hoặc kết quả phản hồi rất tiêu cực.

Vai trò của Hội đồng khoa học Khoa trong hoạt động đánh giá và cải tiến nâng cao chất lượng còn mờ nhạt. Nhiều giảng viên trong Khoa còn thờ ơ với công tác này.

## **2. Những điểm mạnh**

– Việc đánh giá các hoạt động đào tạo giáo viên được Khoa thực hiện khá thường xuyên với sự tham gia của nhiều đối tượng khác nhau có tham gia vào quá trình đào tạo. Không chỉ lãnh đạo Khoa và giảng viên các tổ bộ môn tham gia vào việc đánh giá, mà các sinh viên của Khoa cũng được tham gia vào quá trình này.

– Việc đánh giá không phải chịu áp lực vì bệnh thành tích, nên được thực hiện khá khách quan.

Một số mặt đánh giá đạt hiệu quả khá rõ rệt. Nhiều vấn đề bức xúc xuất hiện nhiều trong các phiếu khảo sát từ lần khảo sát đầu tiên đã không còn trong lần khảo sát gần đây.

### **3. Những tồn tại**

- Hình thức và phương pháp đánh giá còn lạc hậu.
- Nhiều điểm hạn chế được nhận ra qua đánh giá chậm được khắc phục.
- Chưa có sự quan tâm và tham gia rộng rãi của nhiều giảng viên.

### **2. Kế hoạch hành động**

(1) Cải tiến hơn nữa công tác đánh giá định kì như nâng cao chất lượng các câu hỏi trong bảng khảo sát nhằm thu thập được nhiều thông tin hơn về hoạt động đào tạo từ sinh viên.

(2) Có hình thức thích hợp để động viên các giảng viên tham gia tích cực hơn nữa công tác đánh giá định kì.

### **3. Tự đánh giá:**

Đạt tiêu chí đánh giá.

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 1:**

Khoa có mục tiêu đào tạo đáp ứng mục tiêu giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục và mục tiêu đào tạo khối ngành sư phạm trình độ đại học; đáp ứng tiêu chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông, phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương; có nội dung cụ thể, rõ ràng; được định kỳ rà soát và điều chỉnh theo hướng cải tiến, nâng cao chất lượng; có cơ cấu tổ chức, quản lí đào tạo tương đối hợp lí để thực hiện mục tiêu đặt ra; công tác đánh giá hoạt động đào tạo giáo viên được thực hiện khá thường xuyên. Tuy nhiên, nếu so với yêu cầu xây dựng một cơ sở đào tạo giáo viên đạt chuẩn khu vực và quốc tế thì Khoa còn rất lạc hậu, phải cố gắng rất nhiều, thể hiện rõ nhất ở chỗ cơ cấu giảng viên chưa bảo đảm cho việc đào tạo và quản lí đào tạo có chất lượng, hiệu quả.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 4.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 1.

## **Tiêu chuẩn 2: Chương trình và các hoạt động đào tạo giáo viên trung học phổ thông**

### **Mở đầu**

Chương trình và các hoạt động đào tạo giáo viên trung học phổ thông là một trong những phần cốt lõi quyết định chất lượng của một cơ sở đào tạo. Chính vì thế, Khoa Ngữ văn coi việc xây dựng một chương trình tuân thủ những quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đồng thời bảo đảm tính chất khoa học và hiện đại là một nhiệm vụ trung tâm trong giai đoạn trước mắt cũng như lâu dài. Đồng thời với việc xây dựng một chương trình tốt, việc tiến hành có hiệu quả các hoạt động đào tạo cũng có vai trò không kém phần quan trọng, vì đó chính là công đoạn thi công những nội dung được chương trình thiết kế. Nếu thi công không bảo đảm chất lượng thì những ý tưởng tốt đẹp của chương trình không thể thực hiện được.

**Tiêu chí 2.1:** Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở chương trình khung khối ngành sư phạm trình độ đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với mục tiêu giáo dục trung học phổ thông và đáp ứng nhu cầu sử dụng giáo viên của địa phương và xã hội.

### **1. Mô tả**

Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở chương trình khung khối ngành sư phạm trình độ đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Cụ thể là tất cả các môn học được quy định trong chương trình khung khối ngành sư phạm trình độ đại học của Bộ đều có trong chương trình đào tạo của Khoa.

Ngoài những môn học được quy định trong chương trình khung, chương trình đào tạo của Khoa còn bao gồm nhiều môn học khác, nhằm giúp sinh viên:

- Có năng lực tư duy tốt, có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo, trước hết là trong khoa học, sau đó là trong thực tiễn cuộc sống thể hiện rõ nét qua những môn như: Logic học, Phương pháp nghiên cứu khoa học, v.v.

- Có kiến thức vững vàng và sâu sắc về các lĩnh vực tổng quát, đại cương như trong các môn học Triết học, Xã hội học đại cương, Cơ sở văn hóa Việt Nam, Tâm lí

học, Mỹ học; về chuyên ngành Ngữ văn như trong các môn học về Văn học Việt Nam, Việt ngữ học, Văn học nước ngoài, Lý luận văn học, Hán Nôm; và về nghiệp vụ sư phạm như trong các môn học Giáo dục học đại cương, Giáo dục học phổ thông, Phương pháp giảng dạy văn học, Phương pháp giảng dạy tiếng Việt, Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy Ngữ văn, Thực tập sư phạm.

– Có kĩ năng giao tiếp tốt đủ đáp ứng yêu cầu đối với một giáo viên Ngữ văn ở trường phổ thông như trong các môn học Tiếng Việt thực hành, Ngoại ngữ.

Với hệ thống các môn học đó, chương trình đào tạo của Khoa thực sự phù hợp với mục tiêu đào tạo giáo viên trung học phổ thông môn Ngữ văn, đáp ứng nhu cầu giáo viên của xã hội [1.1-2].

Các môn học được thiết kế trong chương trình về cơ bản là cần yếu đối với việc đào tạo giáo viên Ngữ văn trung học phổ thông nhằm đạt được mục tiêu đào tạo đã xây dựng và các giảng viên của Khoa được đào tạo rất bài bản ở các chuyên ngành tương ứng để đảm nhiệm công việc giảng dạy. Có một số nội dung cập nhật thành quả nghiên cứu mới của khoa học văn học, ngôn ngữ học và phương pháp giảng dạy, có tham khảo một cách thích hợp chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn trung học phổ thông, vì vậy chương trình có khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng giáo viên của địa phương và xã hội.

## **2. Những điểm mạnh**

– Chương trình bảo đảm bao quát được những nội dung theo quy định chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

– Thể hiện rõ nét đặc thù của ngành đào tạo.

– Cập nhật được một số nội dung mới.

## **3. Những tồn tại**

Chương trình vẫn được xây dựng chủ yếu theo kinh nghiệm đào tạo giáo viên Ngữ văn trung học phổ thông ở Việt Nam trong nửa thế kỉ qua. Chưa cập nhật được những thành tựu về xây dựng chương trình đào tạo giáo viên Ngữ văn trung học phổ thông của các nước tiên tiến. Vì vậy khả năng đáp ứng mục tiêu còn hạn chế, chất lượng sản phẩm được đào tạo ra chưa thực sự đạt ở mức độ như mong muốn.

#### 4. Kế hoạch hành động

(1) Nghiên cứu, học tập kinh nghiệm xây dựng chương trình của các nước tiên tiến.

(2) Tiếp tục đổi mới chương trình theo hướng gắn chặt hơn nữa và đáp ứng tốt hơn nữa mục tiêu đào tạo giáo viên Ngữ văn trung học phổ thông.

#### 4. Tự đánh giá:

Đạt tiêu chí đánh giá

**Tiêu chí 2.2:** Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng chuyển dần sang hình thức tích lũy tín chỉ; được xây dựng với sự tham gia của các giảng viên, cán bộ nghiên cứu, cán bộ quản lý và nhà tuyển dụng; đảm bảo tính hệ thống và có cấu trúc hợp lý; cân đối giữa lý thuyết, thực hành và tự học, tự nghiên cứu.

#### 1. Mô tả

Thực hiện sự chỉ đạo đổi mới chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, Khoa đã đầu tư nhiều công sức, thời gian để phát triển chương trình với sự tham gia của tất cả các giảng viên trong Khoa, tuy nhiên đóng vai trò quan trọng nhất vẫn là Ban chủ nhiệm Khoa và các thành viên trong Hội đồng khoa học [1.2-5]. Nhờ vậy, so với trước đây, chương trình đào tạo của Khoa hiện nay có nhiều đổi mới về số môn học cũng như nội dung chi tiết của từng môn học; có cấu trúc hợp lý hơn; có chú ý nhiều hơn đến sự cân đối giữa lý thuyết, thực hành và tự học, tự nghiên cứu của sinh viên.

Chương trình mới là một văn bản dày 390 trang, gồm: 1) *Quyết định ban hành chương trình*; 2) *Phần giới thiệu chung và chương trình khung* (mục tiêu đào tạo, thời gian đào tạo, khối lượng kiến thức toàn khóa, đối tượng tuyển sinh, quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, thang điểm đánh giá, nội dung chương trình, kế hoạch giảng dạy (dự kiến), mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần, danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình, cơ sở vật chất phục vụ học tập, hướng dẫn thực hiện chương trình); 3) *Phần Đề cương chi tiết* tất cả các học phần trong chương trình. So với trước đây, khi chương trình chỉ là một danh sách các môn học và thời lượng dạy học của từng môn, thì đây là một bước chuyển biến rất lớn. Tạo điều kiện thuận lợi

hơn cho việc xây dựng chương trình theo hướng đào tạo tín chỉ.

Trong 213 đơn vị học trình (đvht), có 44 đvht thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương (không kể Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất và Ôn thi tốt nghiệp các môn Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh), 26 đvht kiến thức cơ sở của ngành và khối ngành, 123 đvht kiến thức ngành và 10 đvht khóa luận (hoặc thi) tốt nghiệp [1.1-2].

Cơ cấu các môn trong chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, đặc biệt là các bộ môn chung chiếm tỉ lệ quá cao, do vậy, quyền tự chủ của Trường và Khoa trong việc xây dựng và phát triển chương trình quá thấp.

Trong bối cảnh chung của giáo dục đại học Việt Nam, chương trình đào tạo của Khoa mặc dù đã có nhiều thay đổi, nhưng về cơ bản, vẫn là một chương trình đào tạo lạc hậu về nội dung, về phương pháp dạy học, về phương pháp đánh giá, về cách thức tổ chức, triển khai chương trình. Về cơ bản, đó vẫn là chương trình thiết kế cho hình thức đào tạo niên chế. Muốn triển khai đào tạo theo tín chỉ, chương trình hiện nay cần phải xây dựng lại.

Vai trò của nhà tuyển dụng (lãnh đạo các trường phổ thông) trong xây dựng chương trình chưa được rõ nét; chủ yếu được thực hiện thông qua những trao đổi, thảo luận không chính thức.

Chưa bảo đảm được sự cân đối giữa lý thuyết, thực hành và tự học, tự nghiên cứu. Chương trình vẫn nặng về lý thuyết, phần thực hành, tự học, tự nghiên cứu tuy đã được chú ý nâng cao trong lần đổi mới gần đây, nhưng vẫn còn thấp so với nhu cầu. Tình trạng này xuất phát từ mấy nguyên nhân chủ yếu sau đây: 1) truyền thụ lý thuyết là một cách dạy khá đơn giản và đã trở thành một đặc trưng của giáo dục Việt Nam trong nhiều thế kỉ. Khi xã hội đặt ra những yêu cầu mới đối với giáo dục, nhiều giảng viên không theo kịp, thậm chí dị ứng với sự đổi mới, nhất là đổi mới về phương pháp giảng dạy, do không có điều kiện được đào tạo lại và tiếp cận với những thành tựu mới trong giáo dục; 2) cơ sở vật chất nhà trường rất nghèo nàn, phòng học rất thiếu, chật chội, nóng bức, thư viện chưa thực sự là không gian học tập tốt cho sinh viên; 3) đời sống sinh viên nói chung là khó khăn, nhiều sinh viên phải đi làm thêm để trang trải chi phí học tập và sinh hoạt; 4) cách thức quản trị đại học của nhà trường quá lạc hậu, không theo kịp với yêu cầu đổi mới về chương trình.



## 2. Những điểm mạnh

Chương trình bảo đảm tính hệ thống và có cấu trúc tương đối hợp lý.

## 3. Những tồn tại

– Chương trình vẫn xây dựng theo kinh nghiệm và quan niệm cũ. Còn nặng phần lí thuyết, yếu về thực hành.

– Chưa cập nhập được kinh nghiệm quốc tế và chưa đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo giáo viên Ngữ văn trong tình hình mới.

## 4. Kế hoạch hành động

(1) Nghiên cứu, học tập kinh nghiệm xây dựng chương trình đào tạo theo hình thức tín chỉ.

(2) Tranh thủ nhiều hơn các thành phần hữu quan trong việc xây dựng chương trình, đặc biệt là sự tham gia của các nhà tuyển dụng.

(3) Giảm bớt những nội dung lí thuyết, tăng cường hơn nữa phần thực hành và phần tự học, tự nghiên cứu của sinh viên.

## 5. Tự đánh giá:

Chưa đạt tiêu chí đánh giá.

**Tiêu chí 2.3:** Có đầy đủ kế hoạch đào tạo, chương trình đào tạo, đề cương chi tiết cho các học phần, môn học; định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh theo hướng liên tục cải tiến chất lượng.

## 1. Mô tả

So với chương trình cũ, chương trình mới phản ánh những quan niệm mới về nội dung, phương pháp giảng dạy của Khoa, được cập nhật hóa theo hướng càng ngày càng gắn kết với thực tiễn dạy học môn Ngữ văn ở trường phổ thông, giúp cho sinh viên khi ra trường nhanh chóng thích nghi và đảm đương tốt nhiệm vụ giảng dạy. Nhiều giảng viên của Khoa tham gia biên soạn và thẩm định chương trình và sách giáo khoa phổ thông giúp cho việc gắn kết này được thực hiện có hiệu quả [2.3-1].

Như đã nêu ở phần mô tả của tiêu chí 2.2, trong chương trình mới có đầy đủ kế hoạch đào tạo, miêu tả nội dung các học phần, đề cương chi tiết cho các học phần. Đó là kết quả của sự phát triển chương trình để nâng cao chất lượng đào tạo của Khoa [1.1-2].

Tuy nhiên chương trình này vẫn còn phải tiếp tục được đổi mới, nhất là trong tình hình Bộ Giáo dục và Đào tạo đang vạch ra lộ trình chuyển đổi đào tạo theo hướng niên chế sang đào tạo theo tín chỉ. Nhiều điểm căn bản phải thay đổi, từ nội dung, cơ cấu đến thời lượng các môn học; từ phương pháp giảng dạy đến hình thức đánh giá.

Khoa tích cực và chủ động trong việc đổi mới chương trình. Qua những lần đổi mới, nhiều bộ môn bị bỏ hoặc giảm bớt thời lượng để dành thời gian bổ sung những bộ môn mới. Chẳng hạn Khoa bổ sung bộ môn *Phương pháp nghiên cứu khoa học* từ khi chưa có bộ môn này trong chương trình khung của Bộ và giảng dạy theo hướng phù hợp với đặc thù của lĩnh vực nghiên cứu Ngữ văn. Học phần *Văn học Việt Nam sau 1975, Ngữ nghĩa – ngữ dụng học, Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Ngữ văn* cũng được đưa vào giảng dạy trong chương trình mới.

## 2. Những điểm mạnh

Chương trình gắn kết với thực tiễn dạy học ở trường phổ thông. Chính yêu cầu dạy học ở trường phổ thông là một trong những cơ sở quan trọng nhất cho định hướng đổi mới chương trình đào tạo của Khoa.

## 2. Những tồn tại

– Nhiều môn học không thay đổi được do bị khống chế bởi chương trình khung của Bộ.

– Thiếu kinh nghiệm quốc tế trong lĩnh vực xây dựng chương trình đào tạo giáo viên. Chương trình được xây dựng gần đây nhất vẫn chủ yếu dựa vào sự thừa kế những chương trình cũ.

– Chất lượng đổi mới chương trình chỉ tập trung ở một số bộ môn có giảng viên đầu ngành. Một số bộ môn đổi mới còn chậm, đặc biệt còn xa rời thực tế phổ thông. Tổ phương pháp giảng dạy hỗ trợ chưa thật sự hiệu quả cho việc điều chỉnh theo hướng này.

## 5. Kế hoạch hành động

(1) Nghiên cứu kinh nghiệm xây dựng chương trình đào tạo giáo viên nói chung, chương trình đào tạo giáo viên môn Ngữ văn nói riêng của các nước tiên tiến, đặc biệt là chương trình thích hợp để triển khai đào tạo theo hướng tín chỉ.

(2) Rà soát lại để bỏ những nội dung môn học đã lạc hậu và cập nhật những nội dung mới.

(3) Gắn kết hơn nữa chương trình đào tạo với thực tiễn phổ thông để có những điều chỉnh về chương trình một cách thích hợp. Chọn một vài lĩnh vực chuyên môn mà Khoa có thể mạnh để có những đổi mới có tính chất đột phá. Tích cực đánh giá định kì chương trình và chuẩn bị chuyển hướng chương trình từ niên chế sang tín chỉ.

## 6. Tự đánh giá:

Đạt tiêu chí đánh giá.

**Tiêu chí 2.4:** Thực hiện đổi mới phương pháp dạy và học nhằm phát triển năng lực giảng dạy, năng lực tự học, tự nghiên cứu và tinh thần hợp tác của người học. Chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy. Hằng năm tổng kết, đánh giá và phổ biến kinh nghiệm đổi mới phương pháp dạy và học.

### 1. Mô tả

Những năm gần đây, giảng viên và sinh viên của Khoa đã có những cố gắng đổi mới phương pháp dạy và học. Tinh thần chung của nội dung, biện pháp đổi mới là:

- Thay đổi cơ cấu nội dung bài giảng trong khuôn khổ cho phép theo hướng:
- + Giảm bớt các nội dung lý thuyết, tăng các hoạt động thực hành;
- + Giảm việc đọc diễn của thầy, tăng việc học và đọc của sinh viên;

+ Gắn nội dung giảng dạy ở đại học với chương trình, sách giáo khoa hiện hành ở trường phổ thông trung học.

– Áp dụng một số hình thức tổ chức dạy học tiên tiến và phương tiện hỗ trợ dạy học hiện đại: dạy học nêu vấn đề, tăng cường hoạt động nhóm, tăng cường thuyết trình, seminar,... sử dụng giáo án điện tử, bài giảng điện tử; tổ chức các cuộc thi nghiệp vụ sư phạm trong sinh viên như Hội thi *Ý tưởng sư phạm*, Hội thi *Viên phán*

*xanh*,... [2.4-2]; tổ chức các hội nghị khoa học với sự tham gia đông đảo của giảng viên và sinh viên [2.4-3].

Ban chủ nhiệm Khoa luôn có sự quan tâm thích đáng đến hoạt động và vai trò của tổ Phương pháp giảng dạy bộ môn, mặt khác cũng nhận thức khá đầy đủ rằng mỗi bài giảng, giờ dạy của các thầy cô đều phải có tác động đến sinh viên về mặt phương pháp dạy – học cũng như góp phần hình thành ở họ những kỹ năng nghề nghiệp [2.4-4].

Việc đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên trong Khoa dù mức độ hiệu quả khác nhau, đều dựa trên một nguyên tắc, định hướng chung là tăng cường phát huy vai trò chủ động của người học, coi trọng hình thành kỹ năng tự học, tự đọc của sinh viên.

Đội ngũ giảng viên của Khoa có mối liên hệ thường xuyên và mật thiết với nhà trường phổ thông (hơn 50% giảng viên của Khoa có tham gia biên soạn sách giáo khoa phổ thông và / hoặc giảng dạy ở trường phổ thông). Nắm vững chuyên môn là điều kiện quan trọng để đổi mới phương pháp dạy học. Giảng viên Khoa Ngữ văn phần lớn vững vàng về chuyên môn. Nhiều giảng viên cập nhật thường xuyên kiến thức chuyên ngành cũng như phương pháp dạy học; có nhận thức đúng về tầm quan trọng của việc đổi mới phương pháp giảng dạy, biết khai thác thông tin trên mạng, biết sử dụng một vài phần mềm để thiết kế và thực hiện các giáo án, bài giảng điện tử.

Có những thành viên trong Khoa đã tiên phong trong việc đổi mới phương pháp dạy học. Tinh thần tự chủ, tự nguyện của những thành viên này tạo nên được một lực đẩy đáng kể làm giảm sức ỳ của những giảng viên lớn tuổi, ngại đổi mới và khích lệ lớp giảng viên trẻ.

Do ý thức đầy đủ tầm quan trọng của việc rèn luyện năng lực tự nghiên cứu của sinh viên và ứng dụng công nghệ thông tin, chương trình mới của Khoa đã có những môn học như *Phương pháp nghiên cứu khoa học* (Ngữ văn) và *Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Ngữ văn*. Đặc trưng bộ môn không thuận lợi cho việc sử dụng rộng rãi công nghệ thông tin, nhưng một số người tiên phong ứng dụng cũng tích lũy được những kinh nghiệm đáng quý.

Tuy nhiên, phương pháp giảng dạy chủ đạo hiện nay ở Khoa vẫn là thuyết giảng, có kết hợp với nêu vấn đề để sinh viên thảo luận. Tỷ lệ sinh viên / giảng viên quá cao, cơ sở vật chất nghèo nàn, điều kiện làm việc của giảng viên quá tẻ không cho

phép giảng viên đổi mới phương pháp. Ngoài ra, cách thức sử dụng người và chế độ đãi ngộ làm cho sức ỳ trong đội ngũ giảng viên rất lớn.

Việc đổi mới phương pháp giảng dạy một cách thực chất, hiệu quả chỉ tập trung ở một số người; chưa thành một nhu cầu tự thân của số đông giảng viên. Tâm thế, thói quen học tập theo lối phổ thông và theo lối cũ (ý lại bài giảng của giảng viên, thích nghe thuyết giảng, lười đọc, lười nghĩ,...) cũng như sự phân tán trong học tập của sinh viên (do phải làm thêm kiếm sống) còn khá phổ biến, chưa thể khắc phục triệt để được trong điều kiện và môi trường giáo dục hiện nay.

## **2. Những điểm mạnh**

Khoa có nhiều giảng viên có kinh nghiệm trong lĩnh vực đào tạo nghề (dạy học) và có những ưu thế nhất định trong việc đề xuất, cập nhật những điểm mới trong nội dung, phương pháp dạy học.

## **3. Những tồn tại**

Chưa có sự thay đổi sâu và rộng về phương pháp giảng dạy. Việc đổi mới chỉ diễn ra ở một số phân môn và giảng viên.

## **4. Kế hoạch hành động**

(1) Đưa vào chương trình *Hội thảo khoa học quốc tế* mà Khoa đang có kế hoạch tổ chức một số nội dung về đổi mới phương pháp dạy học Ngữ văn (lưu ý các hình thức dạy học tương tác, dạy học theo “dự án”, tổ chức tự học cho sinh viên qua hệ thống câu hỏi nêu vấn đề, bài tập thực hành, bài tập có tiêu chí tự đánh giá,... theo đặc trưng môn học).

(2) Tích cực đề đạt với nhà trường để có cơ sở phòng ốc, trang thiết bị dạy học ngày một tốt hơn.

(3) Tổ chức một số buổi giới thiệu, tập huấn cho một số nhóm giảng viên trong Khoa về dạy học theo dự án, kỹ thuật soạn bài giảng điện tử và một số hình thức ứng dụng công nghệ thông tin.

## **8. Tự đánh giá:**

Chưa đạt tiêu chí đánh giá.

**Tiêu chí 2.5:** Thực hiện đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá người học, đảm bảo tính nghiêm túc, chính xác, công bằng và khách quan trong đánh giá. Hằng năm lấy ý kiến phản hồi từ người học và thực hiện cải tiến chất lượng hoạt động kiểm tra đánh giá.

### 1. Mô tả

Về vấn đề kiểm tra đánh giá người học, hai hình thức *kiểm tra nói* và *kiểm tra viết* đều được sử dụng phối hợp. Hình thức *kiểm tra viết* bao gồm kiểm tra giữa học phần hoặc hết học phần, thi tốt nghiệp và viết niên luận, khóa luận tốt nghiệp. Hình thức *kiểm tra nói* bao gồm các bài thuyết trình, các ý kiến thảo luận trong lớp (của từng cá nhân hay của từng nhóm). Một số môn học do yêu cầu riêng giảng viên tổ chức thi hết học phần theo hình thức vấn đáp [2.5-5].

Trước đây, đã có một số năm, Khoa xây dựng “ngân hàng đề thi” hết học phần cho các bộ môn. Việc chọn đề thi do các chủ nhiệm bộ môn và Ban chủ nhiệm Khoa đảm nhiệm. Nhưng những năm gần đây, không còn duy trì ngân hàng đề thi, vì sự bất cập của nó. Tuy gọi là “ngân hàng” nhưng đề thi chỉ là đề tự luận, số đề thi ít, nhiều đề đã sử dụng rồi, coi như “lộ đề”, không sử dụng lại được; số đề thi mới bổ sung không đủ và không kịp đáp ứng yêu cầu kiểm tra đánh giá, nhất là khi chương trình, nội dung dạy học có sự thay đổi rất đáng kể. Hình thức trắc nghiệm khách quan thì xây dựng ngân hàng đề thi rất khó, đòi hỏi nhiều công phu và phải tích lũy lâu dài. Điều kiện phòng ốc, in ấn, tổ chức coi thi, chấm bài, công bố kết quả của Trường và Khoa chưa cho phép tiến hành những thay đổi căn bản về kiểm tra, đánh giá. Trong tình hình đó, nhiều năm qua, hướng đổi mới của Khoa là chú trọng vào việc cải tiến hình thức đề thi tự luận. Tuy nhiên, các đề thi vẫn nặng yêu cầu tái hiện, tổng hợp kiến thức hơn là phát triển năng lực tổng hợp, phân tích, vận dụng sáng tạo của sinh viên; thiên về nêu, khẳng định vấn đề hơn là phát hiện, bác bỏ vấn đề.

Hai năm lại đây theo quy chế, ngoài điểm thi hết học phần, tùy theo số đơn vị học trình, kết quả học tập của sinh viên còn được đánh giá bởi một đến hai cột điểm thành phần [2.5-6]. Để có các cột điểm này, một số giảng viên dùng hình thức kiểm tra viết, một số khác dùng hình thức chấm điểm hoạt động tham gia xây dựng bài học, bài thuyết trình của cá nhân hoặc của nhóm, bài sưu tầm tư liệu, bài tập thực hành thực

hiện ngoài lớp của cá nhân hoặc của nhóm (có phân công rõ công việc của từng cá nhân). Như vậy, mặc dù có nhiều cố gắng đổi mới, phương pháp kiểm tra đánh giá của Khoa về căn bản vẫn là phương pháp truyền thống.

Việc kiểm tra đánh giá các học phần được thực hiện nghiêm túc, công bằng và khách quan, thể hiện ở chỗ kì thi kết thúc học phần do Khoa tổ chức, chứ không phải các giảng viên; đề thi được các tổ trưởng bộ môn phê duyệt; đề thi trắc nghiệm được soạn theo hình thức đề chẵn / đề lẻ; mỗi phòng thi có 2 giám thị coi thi; bài thi bao giờ cũng được rọc phách. Tuyệt đối không có hiện tượng để lộ đề thi vì bất cứ lí do gì. Chưa bao giờ có hiện tượng sinh viên khiếu nại vì có tiêu cực trong thi cử.

Yêu cầu về kiến thức, kĩ năng cần đạt đối với sinh viên ở từng học phần, từng phân môn khác nhau đáng kể nên vẫn còn tình trạng chênh lệch về kết quả đánh giá. Chẳng hạn có những học phần, những phân môn nhiều sinh viên đạt điểm khá giỏi, thỉnh thoảng mới có sinh viên thi lại, nhưng có những học phần, phân môn ít điểm khá giỏi, rất nhiều sinh viên dưới điểm trung bình, thậm chí phải thi lại nhiều lần. Ở đây, ngoài độ khó của học phần, phân môn, còn có sự khác biệt về quan niệm, về yêu cầu, cách thức kiểm tra đánh giá.

Khoa thường tổ chức khảo sát nhằm lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về công tác đào tạo của Khoa [1.5-10]. Các thông tin liên quan đến việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên cũng được lưu ý đúng mức. Tuy vậy loại thông tin này không nhiều so với thông tin về phương pháp, hiệu quả, tác phong giảng dạy của giảng viên.

## **2. Những điểm mạnh**

– Hoạt động kiểm tra đánh giá của Khoa được tiến hành khá qui củ và có nề nếp. Trong chừng mực nhất định và trong khả năng có thể, Khoa đã chú ý đến việc đổi mới hoạt động kiểm tra đánh giá trong đào tạo.

– Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên nhìn chung bảo đảm tính khách quan, công bằng, độ tin cậy khá (ít thấy tình trạng sinh viên thắc mắc khiếu nại về điểm số các bài thi); hạn chế tối đa tình trạng sinh viên quay cóp. Trong chừng mực nhất định Khoa đã cố gắng đa dạng hóa hình thức đề thi, tổ chức thi; nhiều giảng viên đã phối hợp khá linh hoạt các hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá.

– Đã chú ý đúng mức đến việc giảm áp lực thi cử cho sinh viên, tăng vai trò tự chủ của giảng viên.

### **3. Những tồn tại**

Chưa áp dụng rộng rãi được những hình thức, phương pháp dạy học hiện đại, nên chưa tạo được bước đột phá trong việc đổi mới kiểm tra đánh giá.

### **4. Kế hoạch hành động**

(1) Tiếp tục tạo sự đồng bộ giữa đổi mới phương pháp dạy học với đánh giá đo lường thành quả học tập của sinh viên; đa dạng hóa các hình thức kiểm tra đánh giá trong điều kiện cho phép, xây dựng ngân hàng đề thi trắc nghiệm khách quan cho một số học phần.

(2) Tăng cường đánh giá kiến thức và kỹ năng của sinh viên qua hoạt động học tập trong cũng như ngoài giờ học trên lớp. Coi trọng việc kiểm tra năng lực đọc sách cũng như năng lực tự học, năng lực ứng dụng của sinh viên.

(3) Chú ý đúng mức, hợp lý đến cả kỹ năng *viết* và kỹ năng *nói*.

### **5. Tự đánh giá:**

Đạt tiêu chí đánh giá.

**Tiêu chí 2.6:** Hoạt động thực tập sư phạm được tổ chức có hiệu quả. Hằng năm lấy ý kiến phản hồi từ cơ sở thực tập, người thực tập, người hướng dẫn thực tập và có biện pháp cải tiến chất lượng hoạt động thực tập sư phạm.

### **1. Mô tả**

Trong mỗi khóa học, hoạt động thực tập sư phạm của sinh viên Khoa Ngữ văn được tiến hành thành 2 đợt: đợt 1 gồm 3 tuần, thực hiện vào học kì 6 (năm thứ 3), đợt 2 gồm 7 tuần thực hiện vào học kì 8 (năm thứ 4) [1.1-2]. Việc tổ chức quản lý hoạt động thực tập của sinh viên được tiến hành theo hình thức có giảng viên trưởng đoàn, hoặc không có giảng viên trưởng đoàn (hình thức gửi thẳng cho Ban chỉ đạo ở cơ sở). Hai năm gần đây, hình thức gửi thẳng thường được áp dụng rộng rãi hơn. Theo kế



hoạch chung của Trường, Khoa cử người đi thăm lớp dự giờ tại các điểm thực tập sư phạm.

Chuẩn bị cho các đợt thực tập sư phạm, ngoài những việc thường xuyên đã thành nếp (như rà soát lại các học phần lý luận dạy học bộ môn; thông tin về danh mục bài thực tập; soạn bài, tập giảng; làm quen với phương tiện, thiết bị hỗ trợ dạy học hiện đại,...), Khoa còn tổ chức các hội thi nghiệp vụ (“Viên phấn xanh”, “Ý tưởng sư phạm”, soạn “Giáo án, bài giảng điện tử”, “Độc diễn cảm”,...) cho sinh viên năm thứ 3 và năm thứ 4. Sau kì thực tập, Khoa đều có tổ chức tổng kết thực tập sư phạm; lắng nghe ý kiến của sinh viên từ các đoàn thực tập để rút kinh nghiệm cho công tác chỉ đạo của những năm sau [2.6-7].

Sau 2 đợt thực tập, cùng với các hoạt động rèn luyện nghiệp vụ, phần lớn sinh viên đều thấy trưởng thành, tự tin, gắn bó với nghề nghiệp hơn. Qua đó, kiến thức lý thuyết được củng cố, vốn hiểu biết thực tế được tích lũy, nhiều điều bổ ích được thu hoạch, thuận lợi khó khăn, sở trường sở đoản của bản thân mỗi người học được hình dung rõ rệt hơn và từ đó có kế hoạch tự điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện kỹ năng sư phạm.

Từ đợt thực tập sư phạm năm 2007 đến nay, Ban chủ nhiệm Khoa đã giao cho tổ Phương pháp giảng dạy nắm các thông tin phản hồi của giáo viên hướng dẫn thực tập, các giảng viên dự giờ thực tập, của sinh viên thực tập qua thực tế dự giờ thăm đoàn thực tập và qua hồ sơ thực tập của sinh viên Khoa Ngữ văn (do Phòng đào tạo cung cấp bản sao) [2.6-7].

## **2. Những điểm mạnh**

– Ban chủ nhiệm Khoa có kinh nghiệm và có ý thức tích lũy kinh nghiệm chỉ đạo thực tập sư phạm.

– Sinh viên Ngữ văn nói chung có ý thức học tập, rèn luyện nghiệp vụ, được chuẩn bị tương đối tốt cho các hoạt động thực tập sư phạm (thực tập giảng dạy Ngữ văn và thực tập công tác chủ nhiệm lớp).

– Các đợt thực tập sư phạm thường niên được tổ chức đúng qui trình, kế hoạch, tương đối có chất lượng, hiệu quả.

– Có những cải tiến đúng hướng, bám sát thực tế dạy học Ngữ văn ở trường trung học phổ thông nhằm từng bước nâng cao chất lượng đào tạo nghiệp vụ cho sinh viên của Khoa.

### **3. Những tồn tại**

– Cơ sở vật chất nhà trường thiếu thốn, gây trở ngại, khó khăn cho các hoạt động chuẩn bị thực tập sư phạm của sinh viên (ví dụ: sinh viên không có phòng tập giảng, thiếu trang thiết bị cho các hội thi nghiệp vụ,...).

– Việc đánh giá kết quả thực tập sư phạm của ban chỉ đạo các trường trung học phổ thông chưa dựa trên một mặt bằng quy chuẩn, không ít trường hợp thiếu công bằng trong đánh giá giờ giảng thực tập cũng như cho điểm, xếp loại kết quả thực tập của sinh viên, nhất là giữa sinh viên đoàn này với đoàn khác.

– Một số giáo viên hướng dẫn hoặc thiếu tôn trọng sinh viên thực tập, hoặc yêu cầu sinh viên dạy quá nhiều giờ, thậm chí giao khoán chương trình giảng dạy cho sinh viên. Tình trạng này ảnh hưởng xấu đến chất lượng giờ thực tập của sinh viên.

### **4. Kế hoạch hành động**

(1) Phát huy vai trò chủ động và nâng cao hiệu quả hoạt động chuyên môn của tổ Phương pháp giảng dạy.

(2) Tổ chức một số hội thảo nghiệp vụ sư phạm nhằm tập hợp ý kiến của giáo viên, hiệu trưởng các trường trung học phổ thông về hoạt động thực tập của sinh viên Ngữ văn, bàn sâu về một chuyên đề, chẳng hạn, dạy học Ngữ văn như là quá trình hình thành phát triển tố chất, kỹ năng sư phạm ở người học,....

(3) Định kì tổ chức các hội thi nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên, nghiên cứu đề đa dạng hóa nội dung và hình thức các hội thi này (ví dụ: đưa thêm vào hội thi các nội dung thi về ý tưởng sư phạm mới; khả năng hùng biện, ứng xử theo tình huống; khả năng ngâm, diễn; sưu tầm và điều hành các “trò chơi sư phạm”, “sân chơi ngữ văn”,...).

### **5. Tự đánh giá:**

Đạt tiêu chí đánh giá.

**Tiêu chí 2.7:** Kết hợp các hoạt động dạy và học với nghiên cứu khoa học trong đào tạo giáo viên trung học phổ thông.

### **1. Mô tả**

Trong đào tạo đại học, việc kết hợp giữa hoạt động dạy học với nghiên cứu khoa học là một yêu cầu có tính nguyên tắc.

Kết hợp giữa giảng dạy và nghiên cứu khoa học giúp các giảng viên tiếp cận sâu sắc hơn các vấn đề về khoa học cơ bản cũng như khoa học sư phạm. Nhờ đó việc giảng dạy đạt được kết quả tốt hơn. Hoạt động nghiên cứu khoa học cũng giúp các giảng viên phát triển năng lực tư duy, kinh nghiệm nghiên cứu, những điều mà một giảng viên đại học sư phạm cần phải có để có thể đào tạo nên những giáo viên trung học phổ thông có năng lực tư duy tốt và có khả năng nghiên cứu khoa học.

Kết hợp giữa học tập và nghiên cứu khoa học giúp sinh viên phát triển năng lực tự học, năng lực tư duy độc lập, qua đó nâng cao chất lượng đào tạo.

Nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên Khoa Ngữ văn trong nhiều năm qua tuy có chú ý đến các vấn đề thuộc khoa học giáo dục, nhưng chủ yếu vẫn tập trung vào các vấn đề khoa học cơ bản.

Nhiều giảng viên nhận thức rõ vai trò của nghiên cứu khoa học trong môi trường đại học, có đam mê nghiên cứu khoa học và có công trình được công bố thường xuyên [2.7-8].

Trong chương trình đào tạo, sinh viên của Khoa được dạy kỹ các kiến thức và kỹ năng nghiên cứu khoa học [1.1-2]. Sinh viên được cổ vũ nghiên cứu khoa học, được Khoa tạo diễn đàn trình bày báo cáo khoa học và đạt nhiều giải cao trong các đợt xét thưởng hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên do Bộ Giáo dục & Đào tạo cũng như Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh trao tặng [2.4-3].

### **2. Những điểm mạnh**

– Khoa có nhiều giảng viên có chức danh và học vị khoa học cao, nhiều giảng viên có kinh nghiệm và uy tín trong giới nghiên cứu và giảng dạy ngữ văn. Nhờ đó, Khoa có điều kiện kết hợp hoạt động dạy học với nghiên cứu khoa học trong đào tạo.

– Một số giảng viên thực sự là tấm gương và là người dẫn đường tốt cho sinh viên trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học.

### 3. Những tồn tại

– Đề tài nghiên cứu vẫn còn tập trung chủ yếu vào lĩnh vực khoa học cơ bản, chưa có nhiều thành quả nghiên cứu về khoa học giáo dục và sư phạm. Vì vậy, việc kết hợp các hoạt động dạy và học với nghiên cứu khoa học chưa thật sự tốt.

– Tuy có một số giải thưởng nghiên cứu khoa học của Bộ và Trường, công tác nghiên cứu khoa học trong sinh viên ít nhiều còn mang tính hình thức, chưa có chiều sâu.

### 4. Kế hoạch hành động

(1) Đề nghị nhà trường có những chính sách thích hợp để hỗ trợ cho hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên.

(2) Chú ý tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học theo nhóm, theo chuyên ngành cũng như liên ngành để thực hiện những đề tài khoa học có quy mô rộng lớn, nhất là những đề tài có tính chất liên ngành.

(3) Thường xuyên tổ chức các hội nghị khoa học của Khoa, tổ bộ môn và hội nghị khoa học của sinh viên. Ưu tiên các đề tài thuộc khoa học giáo dục.

Tuy nhiên, Khoa cũng nhận thức rõ rằng, thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học là một nhiệm vụ nan giải của Khoa trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam hiện nay. Một khi đời sống và môi trường làm việc của giảng viên chưa được cải thiện đáng kể thì mọi kế hoạch hành động nhằm thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học đều là duy ý chí. Những nỗ lực của Khoa chỉ làm cho tình hình đỡ xấu hơn.

### 7. Tự đánh giá:

Chưa đạt tiêu chí đánh giá.

**Tiêu chí 2.8:** Đảm bảo an toàn, chính xác và khoa học trong lưu trữ kết quả học tập và rèn luyện của người học; thuận lợi cho việc phổ biến, quản lý, truy cập, tổng hợp báo cáo.

### 1. Mô tả

Kết quả học tập và rèn luyện của người học không chỉ là tài liệu cần thiết đối với sinh viên đang theo học hoặc đã tốt nghiệp mà còn là căn cứ rất quan trọng đối với

người quản lí trong đánh giá định kì chất lượng chương trình đào tạo và đề ra chủ trương, chính sách mới trong công tác đào tạo.

Trong thời gian đầu khi Khoa mới thành lập và những năm tiếp theo, việc lưu trữ tư liệu còn nhiều khó khăn do chưa có máy tính, chỗ làm việc chật hẹp, lại phải thay đổi. Điều kiện lưu trữ tài liệu kém. Hơn nữa, nhiều loại hồ sơ của sinh viên do nhà trường quản lí. Vì vậy, việc lưu trữ kết quả học tập và rèn luyện của người học của còn nhiều hạn chế.

Trong thời gian gần đây, công tác lưu trữ tư liệu của Khoa đã có nhiều tiến bộ, chẳng hạn đã có máy tính riêng để lưu trữ số liệu, một số phần mềm hỗ trợ đã được sử dụng, các số liệu liên quan đến kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên được lưu trữ an toàn và chính xác [2.8-9]. Khoa đang từng bước xây dựng văn hóa lưu trữ.

Tuy vậy, nhìn chung máy móc vẫn chưa được trang bị tốt, việc truy tìm kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên đôi khi mất nhiều thời gian.

Không có đầy đủ số liệu về kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên trong thời gian đầu khi Khoa mới thành lập. Vì vậy, khi cần, phải tham khảo kho tư liệu của nhà trường.

## **2. Những điểm mạnh**

Khoa có nhân viên chuyên trách công tác lưu trữ kết quả học tập và rèn luyện của người học. Khi cần thiết, các số liệu hữu quan có thể được cung cấp đầy đủ, chính xác phục vụ cho công tác báo cáo, quản lý.

## **3. Những tồn tại**

Chưa xây dựng được “văn hóa lưu trữ” theo nghĩa đầy đủ của cụm từ này. Việc lưu trữ tài liệu và số liệu chưa thật sự được nhận thức đầy đủ và được tiến hành chủ yếu bằng kinh nghiệm và với phương pháp khá thủ công.

## **4. Kế hoạch hành động**

- (1) Đề nghị nhà trường trang bị thêm máy tính.
- (2) Chú ý lưu trữ tư liệu vào nhiều nguồn khác nhau như đĩa CD, ổ cứng với dung lượng lớn để bảo đảm cho việc lưu trữ được an toàn.
- (3) Tiến tới quản lí dữ liệu theo file cá nhân.

## **8. Tự đánh giá:**

Đạt tiêu chí đánh giá.

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 2:**

Về chương trình và các hoạt động đào tạo giáo viên trung học phổ thông, chương trình đào tạo của Khoa được xây dựng bám sát Chương trình khung Khối ngành Sư phạm trình độ đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, thật sự phù hợp với mục tiêu đào tạo giáo viên trung học phổ thông và đáp ứng nhu cầu về giáo viên Ngữ văn trung học phổ thông của xã hội; được xây dựng với sự tham gia của tất cả các giảng viên, cán bộ quản lý trong Khoa; đảm bảo tính hệ thống và có cấu trúc tương đối hợp lý; đã có chú ý đến sự cân đối giữa lý thuyết, thực hành và tự học, tự nghiên cứu của sinh viên; có đầy đủ kế hoạch đào tạo, đề cương chi tiết cho các học phần, môn học; được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh theo hướng liên tục cải tiến chất lượng. Khoa cũng chú ý thực hiện đổi mới phương pháp dạy và học nhằm phát triển năng lực giảng dạy của giảng viên, năng lực tự học, tự nghiên cứu và tinh thần hợp tác của người học, đã có những cố gắng đáng khích lệ trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy. Có những bước đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá người học, đảm bảo tính nghiêm túc, chính xác, công bằng và khách quan trong đánh giá. Khoa thường xuyên quan tâm thu thập ý kiến phản hồi từ người học và thực hiện cải tiến chất lượng hoạt động kiểm tra đánh giá. Trong quá trình đào tạo, Khoa đã kết hợp khá tốt các hoạt động dạy và học với nghiên cứu khoa học. Việc lưu trữ kết quả học tập và rèn luyện của người học được bảo đảm an toàn, chính xác và khoa học; thuận lợi cho việc quản lý, phổ biến và tổng hợp báo cáo.

Trong tương lai gần, chương trình cần được xây dựng lại theo hướng hiện đại hơn, thích hợp với hình thức đào tạo tín chỉ, giảm lý thuyết, tăng thực hành, tự học, tự nghiên cứu của sinh viên.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 5.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 3.

### **Tiêu chuẩn 3: Đội ngũ giảng viên tham gia chương trình đào tạo giáo viên trung học phổ thông**

#### **Mở đầu**

Giảng viên bao giờ cũng là nhân tố sống còn của mọi chương trình đào tạo. Việc xây dựng một đội ngũ đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn cao, có cơ cấu chuyên môn phù hợp, bảo đảm có tư cách nhà giáo, có sức khỏe tốt là một trong những nhiệm vụ trung tâm của Khoa trong suốt mấy chục năm phát triển và trong tương lai. Để có được một đội ngũ như vậy, Khoa thường xuyên thực hiện chính sách “chiêu hiền đãi sĩ” để thu hút giảng viên từ nhiều nguồn khác nhau và cố gắng tạo điều kiện cho họ được làm việc theo sự phân công của nhà trường và Khoa và theo đúng chuyên môn được đào tạo. Tuy nhiên, do nhiều lí do khách quan và chủ quan, những cố gắng này chưa đạt được hiệu quả như mong muốn.

**Tiêu chí 3.1:** Có đủ số lượng, có cơ cấu chuyên môn phù hợp với yêu cầu đào tạo, quy mô đào tạo giáo viên trung học phổ thông.

#### **1. Mô tả**

Hiện Khoa có 44 giảng viên (không tính giảng viên thỉnh giảng và 4 giảng viên mới tiếp nhận trong tháng 11 năm 2008). Các giảng viên của Khoa đã từng tốt nghiệp (cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ) tại các trường đại học sau đây: Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn TP. Hồ Chí Minh (một số tốt nghiệp Đại học Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, là tiền thân của Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn TP. Hồ Chí Minh hiện nay), Đại học Tổng hợp Hà Nội (tiền thân của Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Hà Nội hiện nay), Đại học Sư phạm Huế, Đại học Tổng hợp Huế (nay là Đại học Khoa học Huế), Đại học Tổng hợp Tbilixi (Liên Xô cũ), Đại học Tổng hợp Sophia (Bulgaria), Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Kiev (Liên Xô cũ), Đại học Phúc Đán (Trung Quốc). Có 5 giảng viên tốt nghiệp ở nước ngoài, chiếm tỉ lệ 11 %.

Hiện đang có 10 giảng viên trẻ đang học thạc sĩ và tiến sĩ ở nước ngoài, gồm các nước và vùng lãnh thổ: Mỹ, Nhật Bản, Đức, Australia, Singapore, Đài Loan, Trung Quốc.

Mỗi giảng viên trẻ đều có một giảng viên có kinh nghiệm hướng dẫn, giúp đỡ về chuyên môn. Các giảng viên trẻ được ưu tiên dành thời gian học tập. Tất cả đều nhanh chóng trưởng thành.

Tuổi trung bình của các giảng viên hiện nay khá cao. Trong 44 giảng viên, có 2 giảng viên tuổi trên 60, có 22 giảng viên tuổi trên 50, có 5 giảng viên tuổi trên 40, chỉ có 17 giảng viên tuổi dưới 40.

Công việc của các giảng viên quá nhiều, đặc biệt là số giờ dạy do tỉ lệ sinh viên trên 1 giảng viên quá cao, nên việc nâng cao chất lượng đào tạo rất khó khăn. Tuy có 44 giảng viên, nhưng trong đó có đến 10 giảng viên trẻ đang học ở nước ngoài, 3 giảng viên đang ở diện tập sự, cho nên trên thực tế chỉ có 31 giảng viên đang đứng lớp. Trong khi đó, Khoa đang đào tạo cho 992 sinh viên chính quy (598 sinh viên chính quy sư phạm, 255 sinh viên chính quy cử nhân Ngữ văn, 145 sinh viên chính quy ngành Việt Nam học), 517 sinh viên chuyên tu và tại chức [3.1-1]. Như vậy, tính trung bình tỉ lệ sinh viên trên một giảng viên là 50. Dù có tính toàn bộ giảng viên (tức gồm cả số giảng viên đi học nước ngoài và chưa đứng lớp được) thì tỉ lệ này cũng lên đến 1509 sinh viên / 44, nghĩa là gần 40.

Đó là chưa kể số giờ mà giảng viên của Khoa đang phải dạy cho sinh viên nước ngoài ngành Tiếng Việt cho người nước ngoài và cho sinh viên các khoa khác trong Trường như các khoa Ngoại ngữ, Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Mầm non, Giáo dục đặc biệt, Giáo dục Quốc phòng, v.v. và các trường khác. Ngoài ra, Khoa còn phải đào tạo học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Trong khi các giảng viên trẻ đều có giảng viên có kinh nghiệm giúp đỡ, kèm cặp về chuyên môn thì các giảng viên có kinh nghiệm lại không có trợ giảng hay trợ lí nghiên cứu. Giảng viên càng có học vị và chức danh cao càng phải thực hiện nhiều nghĩa vụ, ví dụ phải dạy nhiều tiết hơn, như vậy thường phải chấm bài nhiều hơn, nhưng điều kiện hỗ trợ thì hầu như không có gì khác so với giảng viên bình thường.

Xét trong tương quan với các khoa trong Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh thì Khoa Ngữ văn có đội ngũ giảng viên có chức danh và học vị khoa học khá đông, có 8 Phó giáo sư trên 24 số Phó giáo sư và giáo sư của toàn Trường, chiếm 33,3%, 22 Tiến sĩ (kể cả các Tiến sĩ là Phó giáo sư) trên 132 Tiến sĩ của toàn Trường, chiếm 15,9 %. Có chuyên ngành thuộc loại mạnh nhất TP. Hồ Chí Minh và cũng thuộc loại có uy tín trên phạm vi cả nước, chẳng hạn ngành Ngôn ngữ học với 4 phó giáo sư,



2 tiến sĩ, 2 thạc sĩ, đủ sức đảm nhận nhiệm vụ đào tạo giáo viên trung học phổ thông từ cử nhân đến thạc sĩ và tiến sĩ.

Tuy nhiên, với tỉ lệ sinh viên trên một giảng viên như hiện nay thì còn khá lâu Khoa mới đạt tiêu chuẩn về đội ngũ giảng viên theo như quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và phù hợp với chuẩn mực quốc tế.

Nếu xét về cơ cấu chuyên môn, thì vấn đề càng gay gắt hơn. Một dẫn chứng: tổ Phương pháp giảng dạy lẽ ra phải đóng vai trò quan trọng trong một cơ sở đào tạo giáo viên, lại rất yếu về bằng cấp chuyên môn. Tổ hiện có 5 giảng viên, trong đó có 2 tiến sĩ, 2 thạc sĩ và 1 cử nhân, nhưng không có ai có bằng cấp về Phương pháp giảng dạy. Trong khi đó, tổ lại đang đảm nhận đào tạo không những cử nhân, mà cả thạc sĩ.

Những năm gần đây, Khoa đã cố gắng tuyển giảng viên mới, nhưng chỉ riêng về số lượng, may lắm mới bù được số giảng viên về hưu (năm 2009, sẽ có 4 giảng viên về hưu, trong đó có 1 phó giáo sư, 2 tiến sĩ) [3.1-2]. Những người mới, đa phần chỉ có bằng cử nhân, phải đào tạo ít nhất là 5 năm mới bắt đầu giảng dạy được, trong khi đó người về hưu, đa phần có bằng cấp cao, có kinh nghiệm.

Cơ chế quản trị đại học của nhà trường cũng như của đại học Việt Nam nói chung quá lạc hậu, nặng về hành chính và trì trệ. Điều đó tạo nên những rào cản rất lớn trong việc phát huy quyền tự chủ của Khoa, hạn chế năng lực và nhiệt tình đóng góp của giảng viên.

## **2. Những điểm mạnh**

Khoa có nhiều giảng viên có chức danh và học vị khoa học cao, cơ cấu chuyên môn khá đa dạng. Giảng viên được đào tạo từ nhiều nền giáo dục khác nhau, có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

## **3. Những tồn tại**

Nhiều giảng viên đã lớn tuổi, nhiều cán bộ trẻ đang đi học nước ngoài. Phần lớn cán bộ phải tham gia giảng dạy rất nhiều giờ. Không có tính liên tục giữa các thế hệ giảng dạy.

## **4. Kế hoạch hành động**

Khoa sẽ đồng thời tiến hành những biện pháp sau:

(1) Tăng cường nhận thêm giảng viên, nhất là những giảng viên trẻ, có triển vọng phát triển lâu dài. Kế hoạch trong những năm tới mỗi năm phải nhận thêm trung bình 3 giảng viên. Ưu tiên thu hút những giảng viên đã có bằng cấp cao và có thành tích thực sự về chuyên môn về công tác tại Khoa.

(2) Mời giảng viên đã nghỉ hưu hay ở các trường khác đảm trách một số môn khoa đang thiếu hay không có người.

(3) Giảm bớt số sinh viên đào tạo, để nâng cao chất lượng đào tạo nhờ nâng cao chất lượng tuyển sinh và giảm gánh nặng khối lượng công việc cho giảng viên.

(4) Đổi mới phương pháp giảng dạy để giảm số giờ dạy lí thuyết trên lớp, tăng số giờ thực hành và giờ tự học của sinh viên.

(5) Đề nghị nhà trường thay đổi chế độ phân công giảng dạy cho giảng viên, tiến tới có sự phân công hợp lí hơn. Quy định giờ dạy tối đa đối với từng giảng viên để các giảng viên có điều kiện nghiên cứu khoa học, nâng cao trình độ chuyên môn. Đồng thời cùng nhà trường xây dựng những quy định về nghiên cứu khoa học đối với giảng viên, để việc đào tạo luôn gắn với nghiên cứu khoa học, khoa học cơ bản và khoa học sư phạm.

(6) Đề nghị nhà trường có chế độ trợ giảng cho các giảng viên có chức danh khoa học và học vị cao, trước mắt áp dụng cho các phó giáo sư, sau đó áp dụng cho các tiến sĩ sau khi bảo vệ 3 năm.

Với số lượng và cơ cấu chuyên môn hiện nay, Khoa đang cố gắng đáp ứng yêu cầu và quy mô đào tạo giáo viên trung học phổ thông một cách chặt vật. Tình hình này đòi hỏi phải có biện pháp mạnh mẽ, kiên quyết tuy không thể khắc phục trong một thời gian gần.

## **5. Tự đánh giá:**

Chưa đạt tiêu chí đánh giá.

**Tiêu chí 3.2:** Đạt trình độ chuẩn đào tạo của nhà giáo đối với giáo viên trung học phổ thông và các kỹ năng cần thiết, đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học.

### **1. Mô tả**

Khoa Ngữ văn là một đơn vị, xét về nhiều mặt, đạt trình độ chuẩn đào tạo đối với các nhà giáo tham gia đào tạo giáo viên trung học phổ thông, đáp ứng yêu cầu đào

tạo và nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, mức độ đáp ứng chưa cao, cần phải có biện pháp cụ thể với nỗ lực lớn mới cải thiện được tình hình.

Hầu hết các giảng viên tham gia đào tạo giáo viên trung học phổ thông là các Phó giáo sư Tiến sĩ, Tiến sĩ và một số Thạc sĩ ở độ tuổi trên 35. Đây là đội ngũ đã trưởng thành về nhiều mặt, đạt trình độ chuẩn để đào tạo giáo viên trung học phổ thông. Nhiều giảng viên thực sự mong muốn cải thiện thực trạng dạy học Ngữ văn còn nhiều hạn chế ở trường phổ thông, vì vậy không tự bằng lòng với kiến thức, kỹ năng của mình, không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Khoảng 40% giảng viên có thể sử dụng tài liệu chuyên môn bằng tiếng nước ngoài. Một số sử dụng thường xuyên. Khoảng 30 % giảng viên sử dụng thành thạo Internet; 20% có dùng giáo án điện tử.

Về nghiên cứu khoa học, nhiều giảng viên của Khoa có khả năng vừa giảng dạy vừa tham gia nghiên cứu khoa học: viết bài nghiên cứu đăng trên các tạp chí chuyên ngành, thực hiện các đề tài khoa học cấp Bộ, cấp Trường; viết tham luận cho các hội thảo khoa học trong và ngoài nước; viết sách chuyên khảo; biên soạn, thẩm định giáo trình đại học – cao đẳng, sách giáo khoa Ngữ văn, sách giáo viên trung học cơ sở, trung học phổ thông cũng như sách tham khảo cho giáo viên, học sinh phổ thông [2.3-1, 2.7-8, 3.2-3].

## **2. Những điểm mạnh**

– Trình độ và năng lực giảng dạy của đội ngũ giảng viên khá cao, tích lũy được nhiều kinh nghiệm dạy học.

– Phần đông giảng viên trong Khoa có ý thức quan tâm đến chất lượng đào tạo.

## **3. Những tồn tại**

– Điều kiện làm việc, môi trường học thuật của đại học hiện nay không thực sự thuận lợi cho giảng viên nâng cao tiềm lực khoa học, giao lưu quốc tế, nhất là các giảng viên ở tuổi trung, cao niên.

– Nghiên cứu khoa học trên thực tế chưa trở thành một nhiệm vụ bắt buộc (nhất là trong khi việc giảng dạy đã thường xuyên quá tải), và cũng chưa có chế độ khuyến khích tinh thần, vật chất thích đáng. Hoạt động nghiên cứu khoa học chỉ được thực hiện hiệu quả ở một vài nhóm giảng viên trong Khoa.

– Lớp giảng viên trụ cột của Khoa thường xuyên phải giảng dạy quá nhiều giờ (dạy giờ của họ và dạy thay cho các đồng nghiệp trẻ đang đi học).

– Số giảng viên chưa sử dụng được ngoại ngữ trong chuyên môn của mình vẫn chiếm một tỷ lệ đáng kể. Số giảng viên thường xuyên sử dụng công cụ Internet, giáo án điện tử cũng trong tình hình tương tự.

#### **4. Kế hoạch hành động**

(1) Chủ động và tích cực chuẩn bị lực lượng giảng viên kế cận. Tạo điều kiện cho các giảng viên trẻ (dưới 30 tuổi) vừa tham gia đào tạo, vừa tiếp tục học tập ở bậc cao hơn ở trong và ngoài nước. Buộc các giảng viên trẻ sau một thời hạn nhất định phải đạt được trình độ ngoại ngữ và tin học đáp ứng được yêu cầu chuyên môn. Có kế hoạch đào tạo một số chuyên gia trẻ vừa giỏi lý luận giáo dục hiện đại vừa am hiểu thấu đáo thực tế giáo dục, phương pháp giảng dạy Ngữ văn. Kết hợp đào tạo qua hoạt động dạy học với gửi đi đào tạo, tu nghiệp ở nước ngoài. Tạo điều kiện (hành chính, tài chính) để việc đào tạo và tự đào tạo của các giảng viên trẻ ngày càng thuận lợi hơn.

(2) Đề xuất với Trường có những chính sách thích hợp để tạo môi trường học thuật thuận lợi cho các giảng viên nghiên cứu khoa học. Nghiên cứu và vận dụng những phương pháp dạy học hiện đại của các nước tiên tiến nhằm nâng cao năng lực sư phạm của các giảng viên.

#### **5. Tự đánh giá:**

Chưa đạt tiêu chí đánh giá.

**Tiêu chí 3.3:** Đạt tiêu chuẩn về phẩm chất tư tưởng chính trị, đạo đức nhà giáo và sức khỏe.

##### **1. Mô tả**

Giảng viên Khoa Ngữ văn rất coi trọng việc tu dưỡng, giữ gìn tư cách của người thầy; đồng thời ý thức đầy đủ ảnh hưởng của mình đối với sinh viên về nhiều phương diện, nhất là về lối sống, nhân cách.

Giảng viên của Khoa luôn có ý thức công dân cao, thường xuyên quan tâm đến tình hình phát triển và những vấn đề nóng bỏng của đất nước, tha thiết với sự hội nhập

kinh tế, văn hóa xã hội trong bối cảnh toàn cầu hóa; sẵn sàng chia sẻ với đồng bào gặp khó khăn, thiên tai, hoạn nạn.

Giảng viên Khoa Ngữ văn, do yêu cầu chuyên môn nghề nghiệp, hơn ai hết, luôn có ý thức và mong mọi sống tốt, sống đẹp; khỏe về thể chất, lành mạnh, trong sáng về tâm hồn.

Sức khỏe của số đông giảng viên ở mức bình thường.

Môi trường xã hội và môi trường giáo dục hiện nay có quá nhiều vấn đề nan giải và không ít biểu hiện tiêu cực, không lành mạnh đang từng ngày, từng giờ tác động đến đội ngũ nhà giáo nói chung, đội ngũ giảng viên Khoa Ngữ văn nói riêng.

Mức sống của giảng viên so với thời bao cấp rõ ràng là có cải thiện, nhưng so với yêu cầu sinh sống và làm việc trong tình hình mới, đặc biệt là trong tương quan với nhiều nước trong khu vực thì còn là quá thấp. Lương cũng như các phúc lợi mà giảng viên đại học được hưởng là quá khiêm nhường, không đủ nâng cao sức khỏe, tái đầu tư chuyên môn.

## **2. Những điểm mạnh**

Khoa Ngữ văn là một tập thể thân ái vui vẻ, nhưng khi cần, cũng sẵn sàng đấu tranh với điều sai trái, tiêu cực trong Khoa, trong Trường để bảo vệ cái đúng, cái tốt; được sinh viên quý trọng, tin tưởng.

## **3. Những tồn tại**

Nhiều giảng viên cảm thấy mệt mỏi vì áp lực công việc. Lòng yêu nghề có phần bị giảm sút.

## **4. Kế hoạch hành động**

(1) Nhiều điểm tồn tại được nêu trên phải giải quyết ở cấp vĩ mô. Trong chừng mực có thể, duy trì không khí thân ái, vui vẻ ở Khoa, tăng cường sự gắn kết giữa các thành viên trong Khoa thông qua một số hoạt động chuyên môn, du lịch, giải trí mang tính tập thể.

(2) Phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể, nhất là vai trò của công đoàn nhằm cải thiện một phần sức khỏe và tinh thần của các giảng viên, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh của Khoa.

## 5. Tự đánh giá:

Đạt tiêu chí đánh giá.

**Tiêu chí 3.4:** Đảm bảo thực hiện đầy đủ và có chất lượng chương trình đào tạo; có kế hoạch bài giảng cá nhân được phê duyệt, đồng thời tham gia xây dựng kế hoạch đào tạo, biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy của khoa, bộ môn. Hằng năm, tham gia nghiên cứu khoa học theo quy định của Nhà nước.

### 1. Mô tả

Khoa Ngữ văn đã bảo đảm thực hiện đầy đủ và có chất lượng chương trình đào tạo. Tất cả các học phần có trong chương trình đều được dạy đủ nội dung và thời lượng quy định. Tất cả các học phần đều có đề cương chi tiết trong đó quy định rõ: tên học phần, thời lượng, phân bổ thời gian (tỉ lệ phần lí thuyết và thực hành), điều kiện tiên quyết, mục tiêu, mô tả vắn tắt nội dung học phần, nhiệm vụ của sinh viên, tài liệu học tập, tiêu chuẩn đánh giá sinh viên, thang điểm, nội dung chi tiết học phần. Kế hoạch giảng dạy được xây dựng và phê duyệt theo kế hoạch đào tạo chung của Trường. Các giảng viên tham gia đào tạo được trao đổi để thống nhất kế hoạch đào tạo hằng năm của Khoa.

Nhiều giảng viên của Khoa đã tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, xây dựng chương trình, biên soạn sách giáo khoa. Chỉ tính khoảng 5 năm gần đây, cũng có thể thấy được thành tích tương đối khá của Khoa.

a. Về sách giáo khoa trung học cơ sở và trung học phổ thông của Bộ Giáo dục và Đào tạo (theo Chương trình mới). Khoa có 1 giảng viên tham gia biên soạn sách trung học cơ sở, 4 giảng viên tham gia biên soạn sách trung học phổ thông của Bộ Giáo dục và Đào tạo (theo Chương trình mới) [2.3-1].

b. Về sách tham khảo dành cho giáo viên và học sinh trung học phổ thông. Khoa có 7 giảng viên tham gia biên soạn sách tham khảo dành cho giáo viên và học sinh trung học phổ thông [2.7-8].

c. Về giáo trình cho sinh viên, chuyên luận dành cho học viên cao học và nghiên cứu sinh. Khoa có 6 giảng viên biên soạn giáo trình cho sinh viên đại học, chuyên luận dành cho học viên cao học và nghiên cứu sinh [2.7-8].

d. Về sách dạy tiếng Việt cho người Việt ở nước ngoài. Năm 2007, một nhóm tác giả của Khoa đã biên soạn xong một cuốn sách dạy tiếng Việt cho người Trung Quốc tại Đài Loan trong khuôn khổ hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học giữa Trường Đại học TP. Hồ Chí Minh và Trường Đại học Bình Đông (Đài Loan) [2.7-8].

Tất cả các nghiên cứu này đều có liên quan với hoạt động đào tạo của Khoa, từ sách giáo khoa phổ thông cho đến chuyên luận cho học viên cao học và nghiên cứu sinh. Đó là những tài liệu học tập, tham khảo quan trọng trong lĩnh vực khoa học Ngữ văn cũng như lĩnh vực sư phạm.

Ngoài ra, riêng trong 5 năm trở lại đây, các giảng viên của Khoa đã và đang thực hiện 11 đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ (kinh phí của Bộ Giáo dục và Đào tạo). 25 giảng viên công bố khoảng 75 công trình khoa học. Có 8 giảng viên có đề tài nghiên cứu khoa học hợp tác với Trường Đại học Paris 7.

Nhìn chung, chương trình đào tạo và việc biên soạn giáo trình được thực hiện khá tốt. Việc nghiên cứu khoa học có nhiều kết quả. Tuy nhiên, những thành tích trên chưa xứng với tầm của Khoa, chưa khai thác được hết tiềm lực của giảng viên trong Khoa.

Bên cạnh những lí do chủ quan như bản thân nhiều giảng viên không có lòng say mê đối với nghiên cứu khoa học, có nhiều lí do khách quan làm hạn chế hoạt động nghiên cứu khoa học như điều kiện làm việc, chế độ đãi ngộ, môi trường học thuật. Trong khi phải giảng dạy với số tiết rất nhiều, giảng viên không hề được khuyến khích nghiên cứu khoa học, nói đúng hơn là chỉ được khuyến khích nghiên cứu khoa học trên văn bản và trong những tuyên bố của các nhà quản lí. Chế độ trả lương và thù lao hiện nay góp phần đáng kể làm giảm sút ý thức phấn đấu của giảng viên trong lĩnh vực học thuật.

## **2. Những điểm mạnh**

Khoa Ngữ văn là một trong những khoa có đội ngũ giảng viên có khả năng nghiên cứu khoa học mạnh nhất Trường. Sự đóng góp của các giảng viên trong Khoa về mặt biên soạn giáo trình là tích cực, có ảnh hưởng không chỉ trong phạm vi Trường, mà rộng ra cả nước, như việc biên soạn sách giáo khoa Ngữ Văn cho trung học cơ sở và trung học phổ thông.

### 3. Những tồn tại

– Mảng nghiên cứu khoa học vẫn là một trong những điểm yếu nhất của Khoa. Nghiên cứu khoa học chỉ tập trung ở một số người, chưa trở thành một hoạt động thường xuyên của tất cả các giảng viên trong Khoa. Các nghiên cứu thường là chuyện cá nhân, hiếm có công trình tập thể, nhất là công trình được Khoa đứng ra tổ chức. Các tổ chuyên môn và Hội đồng khoa học hội họp chủ yếu là để giải quyết những vấn đề hành chính, chứ ít khi tập trung vào vấn đề chuyên môn.

– Chất lượng các công trình nghiên cứu của số đông giảng viên còn thấp. Chủ yếu là hướng đến chất lượng quốc gia, ít có những công trình nghiên cứu đạt chất lượng quốc tế.

### 4. Kế hoạch hành động

Trước mắt chưa thể có kế hoạch gì để thay đổi tình hình một cách căn bản. Cái chính là vấn đề vượt ra khỏi quyền hạn của Khoa, thậm chí ở một số mặt, còn vượt ra khỏi quyền hạn của Trường. Kế hoạch hành động ở đây, do đó, chỉ là những đề xuất để cấp trên xem xét.

(1) Giảm giờ dạy cho giảng viên. (Hiện nay giảng viên chỉ đảm trách việc giảng dạy cho có chất lượng là đã không còn sức lực và thời gian để nghiên cứu khoa học. Một dẫn chứng: năm học 2007 – 2008, giảng viên dạy nhiều nhất của Khoa là gần 900 tiết, hơn gấp 3 lần số tiết quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

(2) Thay đổi định mức giờ dạy theo nguyên tắc càng có chức danh, học vị khoa học càng cao thì định mức giảng dạy càng được giảm.

(3) Xác lập định mức nghiên cứu khoa học theo nguyên tắc càng có chức danh, học vị khoa học cao thì định mức càng tăng, xem đây là điều kiện để tăng lương, thưởng và các chế độ đãi ngộ khác.

(4) Có chế độ đãi ngộ xứng đáng cho giảng viên có công trình nghiên cứu khoa học, đến mức họ thấy nghiên cứu khoa học có thể sống được, chứ không phải chỉ có con đường “cải thiện” cuộc sống bằng cách dạy ngày dạy đêm, hay bằng những nghề không liên quan đến chuyên môn.

(5) Thực hiện chế độ trợ giảng cho các giáo sư, phó giáo sư.

### 4. Tự đánh giá:

Đạt tiêu chí đánh giá.



**Tiêu chí 3.5:** Được phân công giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo; được tạo điều kiện nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ chính trị, ngoại ngữ, tin học.

### 1. Mô tả

Phân công giảng dạy đúng chuyên môn là nguyên tắc cơ bản mà Khoa luôn tuân thủ. Mặt khác, Khoa cũng tạo điều kiện để các giảng viên nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học [3.5-4]. Qua đó các giảng viên vừa phát triển chuyên môn vốn có của mình vừa có thể mở rộng chuyên môn sang những lĩnh vực kế cận để có thể đảm nhiệm giảng dạy môn học mới khi Khoa có nhu cầu.

Hiện nay, tất cả các môn học thuộc kiến thức ngành đều do các giảng viên trong Khoa đảm nhiệm và tất cả các giảng viên của Khoa đều tốt nghiệp chuyên ngành Ngữ văn.

Khoa nhận thức rõ tầm quan trọng của việc nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên, vì thực tiễn cuộc sống luôn thay đổi, yêu cầu của xã hội đối với giáo dục nói chung và đối với giảng viên đại học nói riêng càng ngày càng cao. Đặc biệt trong bối cảnh giáo dục Việt Nam đang có những đổi mới mạnh mẽ, nếu không được nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ thì người giảng viên sẽ trở nên lạc hậu và lạc lõng. Vì vậy, trong khả năng có thể, Khoa tạo mọi điều kiện thuận lợi để các giảng viên được đi học các khóa ngắn hạn và dài hạn. Tuy áp lực công việc đối với tất cả các giảng viên đều rất nặng nề do tỉ lệ sinh viên trên một giảng viên quá lớn và số hệ đào tạo quá nhiều, tất cả các giảng viên có nhu cầu đi học và tìm được nguồn tài trợ để đi học đều được Khoa ủng hộ và tạo điều kiện về mặt hành chính và tổ chức, các giảng viên còn lại sẵn sàng gánh vác phần việc của người đi học.

8 giảng viên trong số 12 giảng viên trẻ mới được giữ lại Khoa trong 5 năm gần đây được cử đi học nước ngoài để lấy bằng thạc sĩ và tiến sĩ. 4 người còn lại đang học sau đại học ở trong nước.

Trong vòng 5 năm gần đây, các giảng viên trong Khoa đã có gần 40 lượt người đi công tác, học tập, nghiên cứu ngắn hạn (từ 7 ngày đến 1 năm) ở nước ngoài.

Hàng tháng mỗi giảng viên được cấp một bản tạp chí chuyên ngành *Ngôn ngữ học*, *Hán Nôm* hoặc *Văn học*, tùy theo chuyên môn của giảng viên [3.5-5].

Tuy nhiên, nhìn chung, việc tạo điều kiện nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ, tin học cho giảng viên vẫn còn nhiều hạn chế. Mọi nguồn lực đều bị chi phối bởi chính sách của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nhà trường.

Các khoản hỗ trợ chủ yếu dành cho các giảng viên đi học cao học hay làm nghiên cứu sinh. thỉnh thoảng Trường có hỗ trợ cho các giảng viên kinh phí đi lại và lưu trú để tham dự hội thảo hoặc tham gia một số khóa tập huấn ngắn hạn. Nhưng không đáng kể.

## **2. Những điểm mạnh**

– Khoa có đội ngũ giảng viên được đào tạo bài bản, có chức danh và học vị khoa học cao, nguồn đào tạo phong phú, giúp cho việc phân công giảng dạy được thuận lợi.

– Lãnh đạo Khoa quan tâm phát triển lực lượng giảng viên trẻ.

## **3. Những tồn tại**

Việc nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ thông qua hoạt động nghiên cứu khoa học còn rất kém.

## **4. Kế hoạch hành động**

(1) Tích cực tuyển dụng giảng viên trẻ và tạo điều kiện để họ được đi học sớm, nhất là làm luận văn thạc sĩ và luận án tiến sĩ theo học bổng 322 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các loại học bổng khác của nước ngoài. Có kế hoạch chủ động để khi số giảng viên cao tuổi về hưu, Khoa có người thích hợp để thay thế.

(2) Phối hợp với nhà trường để có những chính sách thích hợp để thúc đẩy hơn nữa hoạt động nghiên cứu khoa học. Tạo môi trường để giảng viên nghiên cứu học thuật chính là một trong những cách tốt nhất giúp họ nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ.

## **5. Tự đánh giá:**

Đạt tiêu chí đánh giá.

**Tiêu chí 3.6:** Được đảm bảo các quyền và lợi ích liên quan đến hoạt động nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

### **1. Mô tả**

Về cơ bản, các giảng viên của Khoa được đảm bảo các quyền và lợi ích liên quan đến hoạt động nghề nghiệp theo quy định của pháp luật, được giảng dạy theo đúng chuyên môn được đào tạo, được trả lương đúng thời hạn, được nghỉ phép khi đau ốm, được hỗ trợ kinh phí để đi nghỉ mát trong dịp hè hằng năm. Ban chủ nhiệm Khoa và Ban chấp hành công đoàn phối hợp tốt với nhau để bảo đảm phân phối công bằng các khoản phúc lợi, bảo đảm sự đoàn kết, đồng thuận trong Khoa.

Việc phân công giảng dạy dựa chủ yếu vào chuyên môn và bằng cấp của giảng viên. Yếu tố kinh nghiệm và thâm niên chỉ được tính đến trong những công việc đặc biệt như hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp, hướng dẫn thực tập, v.v.

Cho đến nay, Khoa chưa phải giải quyết bất cứ trường hợp nào giảng viên khiếu kiện vì quyền và lợi ích hợp pháp có liên quan đến hoạt động nghề nghiệp của họ bị xâm phạm.

### **2. Những điểm mạnh**

Ban chủ nhiệm Khoa làm việc công tâm, không thiên vị. Ban chấp hành công đoàn Khoa thực hiện tốt chức năng của mình. Khoa là một tập thể đoàn kết và thân ái. Không có những mâu thuẫn lớn.

### **3. Những tồn tại**

– Không gian tự do tư tưởng của giảng viên, của nhà khoa học trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn vẫn còn chật hẹp. Thiếu một không khí trao đổi học thuật cởi mở.

– Lương và thu nhập nói chung của giảng viên quá thấp. Xét ở cấp vĩ mô, như vậy là lợi ích hợp pháp của người lao động đã không được thỏa mãn thích đáng.

### **4. Kế hoạch hành động**

Những vấn đề nằm trong phạm vi điều hành, quản lý của đơn vị đào tạo trực tiếp thì Khoa sẽ cố gắng làm tốt phận sự của mình, như tăng cường mối quan hệ tốt đẹp giữa

các thành viên trong đơn vị, phân công nhiệm vụ rõ ràng, quyền lợi của các giảng viên được phân bổ công bằng, bảo đảm cho các giảng viên các quyền và lợi ích liên quan đến hoạt động nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, Khoa không có khả năng tự mình thay đổi nhiều vấn đề thuộc tiêu chí này như đã nêu trong phần hạn chế. Một sự thay đổi ở tầm vĩ mô là hết sức cần thiết và cấp bách.

## **5. Tự đánh giá:**

Đạt tiêu chí đánh giá.

**Tiêu chí 3.7:** Được định kỳ đánh giá năng lực giảng dạy, được hỗ trợ tạo điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và hướng dẫn thực tập sư phạm.

### **1. Mô tả**

Việc đánh giá năng lực giảng dạy của giảng viên là công việc tế nhị, phức tạp. Năng lực giảng dạy của mỗi giảng viên được đánh giá chủ yếu căn cứ vào: 1) ý kiến tự đánh giá của giảng viên; 2) ý kiến nhận xét đánh giá của tổ, nhóm bộ môn (nhất là ý kiến của những người cùng nhóm chuyên môn); 3) hiệu quả học tập và ý kiến đánh giá của sinh viên (thường là những ý kiến đánh giá “tế nhị”, được thăm dò một cách “gián tiếp” và qua khâu “xử lý” của những người có trách nhiệm) [1.5-10].

Các tổ bộ môn trong Khoa thường phân công giảng viên luân phiên nhau đăng kí giờ dạy thao giảng (thường là những người cùng nhóm chuyên môn), các thành viên khác dự giờ, sau đó tổ chức nhận xét, rút kinh nghiệm trong sinh hoạt tổ bộ môn. Đối với giảng viên lớp trung niên, khoảng 3 đến 5 năm được đánh giá một lần. Đối với giảng viên trẻ, trong giai đoạn trợ giảng và trong vài ba năm đầu họ chính thức được phân công giảng dạy thì được đánh giá thường xuyên [1.3-8]. Vai trò của giảng viên hướng dẫn giúp đỡ trong các trường hợp này rất quan trọng. Tuy nhiên, việc đánh giá trình độ, năng lực giảng viên trẻ thực ra không quan trọng bằng tạo được sự tiến bộ ở họ.

Trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, Khoa tạo điều kiện cho giảng viên bằng cách tổ chức các hội thảo, làm các kỉ yếu, tổ chức các số tạp chí chuyên ngành dành

riêng cho Khoa (tạp chí *Văn học*, tạp chí *Ngôn ngữ học*) [3.7-6] để cho mọi giảng viên đều có cơ hội công bố kết quả nghiên cứu mới của mình, tạo điều kiện về thời gian cho các giảng viên, nhóm giảng viên tham gia trại sách giáo khoa, viết giáo trình, tài liệu, sách tham khảo, chủ trì các đề tài khoa học cấp trường, cấp bộ,...

Riêng về công tác hướng dẫn thực tập sư phạm, vài năm lại đây, các đoàn thực tập sư phạm chủ yếu được gửi thẳng, chỉ một số đoàn có giảng viên làm trưởng đoàn, Khoa chỉ phân công cho một số giảng viên ở tổ Phương pháp giảng dạy. Tuy vậy, Khoa chủ trương huy động rộng rãi giảng viên tham gia làm giám khảo, cố vấn, hướng dẫn cho các cuộc thi nghiệp vụ sư phạm, đồng thời khích lệ họ hướng dẫn nghiệp vụ sư phạm “tích hợp” trong các bài giảng.

## 2. Những điểm mạnh

– Phần lớn giảng viên Khoa Ngữ văn đều tự nhận thức rõ năng lực giảng dạy của mình. Vì vậy, kết quả tự đánh giá của họ thường không trái ngược hay khác biệt nhiều so với nhận xét đánh giá của đồng nghiệp, tổ nhóm bộ môn, cũng như của sinh viên.

– Việc nhận xét, rút kinh nghiệm về các giờ dạy, bài dạy của giảng viên ở Khoa nói chung là nhẹ nhàng, rất ít khi gây ra không khí căng thẳng, mất đoàn kết.

– Định hướng, hỗ trợ về chuyên môn, tạo điều kiện cho giảng viên trẻ học tập và mau chóng trưởng thành.

## 3. Những tồn tại

– Hoạt động đánh giá vẫn còn theo những hình thức khá cũ.

– Nghiên cứu khoa học của số đông giảng viên vẫn còn nhiều hạn chế. Tình hình này rất khó cải thiện, một phần do sức ì của tuổi tác, một phần do áp lực của công việc (nhất là sự quá tải về giờ dạy), một phần do kinh phí dành cho hoạt động này rất hạn chế, thủ tục thanh quyết toán phức tạp, nhiều khê.

– Một số bài giảng, giờ giảng còn phải dựa vào những giáo trình đã cũ, giảng viên không phải ai cũng tự cập nhật được thành tựu nghiên cứu mới, bài giảng có nguy cơ cũ kỹ nhàm chán.

#### 4. Kế hoạch hành động

(1) Từng bước thay đổi quan niệm về việc đánh giá giảng viên, cải tiến hình thức đánh giá.

(2) Quan tâm đặc biệt đến kế hoạch đào tạo và tự đào tạo của giảng viên trẻ.

#### 5. Tự đánh giá:

Đạt tiêu chí đánh giá.

**Tiêu chí 3.8:** Thực hiện đầy đủ các quy định của nhà trường, các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

##### 1. Mô tả

Các chủ trương, qui định của nhà trường cũng như các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước – từ những chủ trương mang tính chiến lược như xem “phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu”, xây dựng Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh thành “trường sư phạm trọng điểm” cho đến những quy định trong pháp lệnh về dân số như “mỗi cặp vợ chồng chỉ được phép có 2 con” – đều được các giảng viên của Khoa hưởng ứng, thực hiện đầy đủ, nghiêm túc.

Giảng viên Khoa Ngữ văn xem giảng dạy là nghĩa vụ và quyền lợi của nhà giáo; làm việc, ứng xử theo pháp luật là bổn phận của công dân; tuân thủ nội qui, qui chế của nhà trường là trách nhiệm của người công chức lao động, vì vậy trong suốt nhiều năm Khoa Ngữ văn không có trường hợp vi phạm kỉ luật lao động, qui chế thi cử.

Đối với những qui định của ngành giáo dục và của nhà trường, giảng viên Khoa Ngữ văn thường không thực hiện một cách máy móc mà luôn có tinh thần phản biện. Tinh thần phản biện này đã giúp cho lãnh đạo nhà trường có những điều chỉnh, sửa đổi các qui định cho hợp tình, hợp lí, dễ đi vào cuộc sống hơn.

Ban chủ nhiệm Khoa coi trọng đúng mức quyền lợi lao động và phúc lợi của giảng viên trong Khoa trên tinh thần chấp hành các qui định của nhà trường.

Tuy nhiên, trong môi trường giáo dục ở Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh nói riêng, ở Việt Nam nói chung, có một áp lực đang chuyển thành thực tế càng ngày càng lớn, đè nặng lên tâm lí giảng viên: đối với công chức, giảng viên, nghĩa vụ

không tương xứng với quyền lợi (nghĩa vụ nặng, quyền lợi nhẹ). Trong tình trạng đó không ít qui định, qui chế, trên thực tế, chỉ còn là sự trói buộc mang tính hình thức, thiếu sức sống và kém hiệu lực. Vì vậy việc vi phạm qui định không phải là hiện tượng cá biệt, chẳng hạn giảng viên phải đi coi thi học kì, giảng dạy tiết 1 phải bắt đầu từ 6g30 sáng, tiết 7 phải bắt đầu từ 12g30 chiều.

## **2. Những điểm mạnh**

- Không có những sai phạm lớn trong việc thực hiện các quy định của nhà trường, các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.
- Tất cả các giảng viên đều có ý thức công dân tốt.

## **3. Những tồn tại**

Nhiều chủ trương, quy định của cấp trên, đặc biệt là của nhà trường chưa được thực hiện đầy đủ.

## **4. Kế hoạch hành động**

- (1) Tiếp tục thực hiện các qui định, qui chế của ngành và của nhà trường.
- (2) Tích cực phản biện những điểm bất hợp lý trong qui định, qui chế của ngành và của nhà trường.
- (3) Lãnh đạo Khoa tích cực động viên giảng viên chấp hành tốt những quy định hợp lý.

## **5. Tự đánh giá:**

Đạt tiêu chí đánh giá.

## **Kết luận về Tiêu chuẩn 3:**

Đội ngũ giảng viên là một điểm mạnh đáng kể của Khoa Ngữ văn trong tương quan với các khoa khác trong Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh và các khoa cùng ngành Ngữ văn xét trên phạm vi cả nước. Đội ngũ này có chuyên môn khá cao, có cơ cấu chuyên môn phù hợp với yêu cầu đào tạo; có kinh nghiệm và kỹ năng cần thiết để tham gia đào tạo giáo viên trung học phổ thông, đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học; đạt tiêu chuẩn về phẩm chất tư tưởng chính trị, đạo đức nhà giáo

và sức khoẻ; bảo đảm thực hiện đầy đủ và tương đối có chất lượng chương trình đào tạo; tích cực tham gia biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy của khoa, bộ môn; nhiều giảng viên có tâm huyết với nghiên cứu khoa học và đã có nhiều thành quả khá tốt. Tất cả các giảng viên đều được phân công giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo; trong khả năng có thể Khoa đã tạo điều kiện để các giảng viên nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và hướng dẫn thực tập sư phạm. Tuy nhiên, nếu so với yêu cầu, nhất là khi triển khai đào tạo theo hướng tín chỉ thì đội ngũ giảng viên của Khoa còn ít về số lượng và còn phải phấn đấu rất nhiều về chuyên môn. Thành tích nghiên cứu khoa học còn rất hạn chế, những nghiên cứu đạt chuẩn mực quốc tế là hãn hữu.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 6.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 2.

#### **Tiêu chuẩn 4: Người học và công tác hỗ trợ người học thuộc chương trình đào tạo giáo viên trung học phổ thông**

##### **Mở đầu**

Theo quan điểm giáo dục hiện đại, người học là trung tâm của quá trình dạy học. Mọi cải cách giáo dục đều thất bại nếu không thực sự tác động đến người học, làm cho quá trình học chuyển biến. Chính vì vậy, khi đánh giá chất lượng chương trình đào tạo không thể không đề cập đến đối tượng sinh viên và những lĩnh vực hỗ trợ sinh viên trong hoạt động học tập. Khoa Ngữ văn là cơ sở đào tạo có nguồn tuyển sinh tương đối tốt; trong những điều kiện rất khó khăn Khoa vẫn cố gắng động viên, hỗ trợ sinh viên học tập và rèn luyện đạt mục tiêu đào tạo giáo viên trung học phổ thông.

**Tiêu chí 4.1:** Người học được đảm bảo tuyển chọn công bằng và khách quan.

##### **1. Mô tả**

Khoa Ngữ văn không có quyền và chức năng độc lập tổ chức tuyển chọn người học. Quyền và chức năng này thuộc về Hội đồng tuyển sinh của Trường mà Khoa là một thành viên. Với tư cách này, trong khi tham gia vào qui trình tuyển sinh, Khoa có



trách nhiệm bảo đảm tuyển chọn khách quan, công bằng đối với sinh viên muốn theo học ở Khoa.

Ở bậc đại học, sinh viên ngành sư phạm Ngữ văn được tuyển chọn thận trọng, kỹ lưỡng. Thực tế, điểm đầu vào ngành sư phạm ngữ văn thường cao hơn ngành cử nhân ngữ văn ngoài sư phạm và các ngành tuyển sinh khối C nói chung [1.1-1]. Trong các kì chấm tuyển sinh, ở tổ chấm bộ môn Văn, các bài thi được chấm đúng qui trình (hai vòng độc lập, chấm và tính điểm, ghi điểm đúng qui chế). Riêng các bài thi đạt từ điểm 7 trở lên thường được Trưởng bộ môn thi xem xét, thẩm định kỹ lưỡng. Cách làm này nhằm bảo đảm sự tuyển chọn công bằng khách quan, đúng người, đúng điểm.

Toàn bộ Ban chủ nhiệm Khoa (4 thành viên) đều trực tiếp tham gia điều hành tổ chấm thi tuyển sinh. Khoa còn chủ động tăng cường thêm lực lượng giảng viên trẻ tham gia ban thư kí tổ chấm thi. Đó là các biện pháp hỗ trợ cần thiết để việc tuyển sinh chính xác, khách quan, công bằng hơn trong khả năng có thể.

Cán bộ, giảng viên Khoa Ngữ văn ý thức rõ rằng: ngay trong khâu tuyển sinh đã phải hình dung rõ rệt hình ảnh người giáo viên dạy Ngữ văn sau 4 năm đào tạo, vì vậy, phải coi trọng chất lượng đầu vào, chú ý hoàn thiện cách thức, qui trình chấm thi; kiên quyết coi trọng thực chất. (Ví dụ: Khoa không chủ trương chấm thi “nói tay” để có một danh sách thí sinh trúng tuyển “đẹp”, “sang” với điểm chuẩn, điểm sàn cao hơn các trường khác.)

Do yêu cầu kế hoạch đào tạo, đúng vào thời gian chấm tuyển sinh nhiều giảng viên trong Khoa được điều động đi làm các công tác khác (nhiều nhất là đi dạy tại chức ở các địa phương), số giảng viên của Khoa tham gia chấm thi không nhiều và không đều; Khoa phải mời khá đông giáo viên trung học phổ thông (trên địa bàn thành phố) để bảo đảm tiến độ chấm thi, kịp thời công bố điểm. Vì vậy, đôi khi có sự vênh lệch trong việc đánh giá bài thi của thí sinh, nhất là những ngày đầu tiên của đợt chấm thi.

Cách ra đề, làm đáp án và hướng dẫn chấm của Ban đề thi thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo vẫn theo kiểu cũ, chưa khuyến khích được năng lực tư duy sáng tạo của thí sinh, và có thể gây nhiễu trong tuyển chọn.

## 2. Những điểm mạnh

Công tác tuyển sinh thực hiện công bằng và khách quan. Không có hiện tượng tiêu cực.

## 3. Những tồn tại

Nhiều giảng viên không tham gia coi thi và chấm thi tuyển sinh.

## 4. Kế hoạch hành động

(1) Tuyển chọn và mời giám khảo ngoài Khoa có chất lượng hơn. Bố trí lại lịch giảng dạy, công tác hợp lí hơn để có nhiều giảng viên tham gia chấm thi tuyển sinh.

(2) Tiếp tục tư vấn cho Hội đồng tuyển sinh cấp Bộ và cấp Trường cải tiến cách ra đề thi, hướng dẫn và tổ chức chấm thi tuyển sinh môn Ngữ văn.

## 5. Tự đánh giá:

Đạt tiêu chí đánh giá.

**Tiêu chí 4.2:** Được phổ biến các quy định về tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và các quy định khác có liên quan của nhà trường.

### 1. Mô tả

Sinh viên được thông báo chương trình đào tạo ngay từ khi nhập học trong buổi gặp mặt Ban chủ nhiệm Khoa. Trong suốt năm học, sinh viên có thể xem các văn bản về danh sách các môn học, kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu, các quy định về nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên, các chương trình hoạt động được dán thường xuyên trước văn phòng Khoa [4.2-1].

Chương trình đào tạo mới của Khoa được xây dựng trên cơ sở chương trình khung dành cho khối ngành sư phạm vừa được ban hành. Trong năm học 2008 – 2009, sinh viên năm thứ nhất được cung cấp đầy đủ văn bản chương trình đào tạo giáo viên trung học phổ thông và đề cương chi tiết tất cả các môn học ngay khi nhập học [1.1-2].

Trước khi vào học chính khóa từ năm thứ nhất, tất cả sinh viên đều được nhà trường phổ biến đầy đủ, chi tiết các quy định về tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công

nhận tốt nghiệp do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và các quy định khác có liên quan của nhà trường.

Sinh viên được tiếp cận với mọi loại thông tin có liên quan trực tiếp đến tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và các quy định khác có liên quan của nhà trường.

Giáo dục đại học Việt Nam đang có nhiều đổi mới, vì vậy các loại văn bản, quy định có liên quan đến tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và các quy định khác có liên quan của nhà trường quá nhiều. Trong khi đó đội ngũ cán bộ quản lý và các trợ lý của Khoa thì quá tải vì công việc, nên việc phổ biến các quy định không thể tránh khỏi thiếu sót.

Trong nhiều năm qua, cách thức quản lý quá tập trung, quyền tự chủ ở cấp Khoa quá hạn chế. Hiện nay tình trạng đó vẫn chưa có sự cải thiện nào đáng kể. Tình trạng đó tạo thành một thói quen rất có hại cho việc đổi mới trong tương lai theo hướng tăng thêm quyền tự chủ trong tổ chức đào tạo cho cơ sở đào tạo.

Trang thiết bị máy móc còn nghèo nàn. Cơ sở vật chất chưa thực sự thuận lợi cho việc phổ biến các thông báo qua mạng Internet.

## **2. Những điểm mạnh**

– Quyền được tiếp cận thông tin được bảo đảm một cách công bằng đối với mọi đối tượng sinh viên.

– Thông tin được cung cấp tương đối kịp thời, chính xác, giúp sinh viên có được định hướng tốt trong học tập, rèn luyện.

## **3. Những tồn tại**

– Chưa tận dụng được ưu thế của công nghệ thông tin trong việc phổ biến các quy định hữu quan. Vì vậy, đôi khi thông tin đến sinh viên còn chậm và chưa được đầy đủ.

– Việc phổ biến theo cách thức truyền thống như qua các cuộc gặp, qua hệ thống cán bộ lớp, qua các loại văn bản gây nhiều trở ngại cho sinh viên trong việc chủ động tìm hiểu thông tin.

#### 4. Kế hoạch hành động

(1) Hằng năm, cung cấp cho tất cả các sinh viên mới nhập học đầy đủ đề cương chi tiết tất cả các học phần trong chương trình đào tạo. Những thông tin cần yếu khác về đào tạo cũng sẽ được phổ biến chi tiết hơn, đầy đủ hơn và kịp thời hơn.

(2) Cải tiến cách thức phổ biến các văn bản quy định về đào tạo cho sinh viên. Chú ý khai thác phương tiện Internet.

#### 5. Tự đánh giá:

Đạt tiêu chí đánh giá.

**Tiêu chí 4.3:** Được tạo điều kiện học tập và tham gia nghiên cứu khoa học.

##### 1. Mô tả

Sinh viên Khoa Ngữ văn được tạo điều kiện học tập và tham gia nghiên cứu khoa học trong khả năng mà Khoa có được. Nhờ vậy, kết quả học tập và nghiên cứu khoa học của sinh viên Khoa Ngữ văn đạt khá cao trong tương quan với các khoa khác trong Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.

Về kết quả học tập, năm 2007, có 97.24% sinh viên tốt nghiệp, trong đó có 6.38% đạt loại trung bình, 70.21% đạt loại trung bình khá, 21.99% đạt loại khá, 1.42% đạt loại giỏi; năm 2008, có 92.79% sinh viên tốt nghiệp, trong đó có 0.97% đạt loại trung bình, 64.08% đạt loại trung bình khá, 33.01% đạt loại khá, 1.94% đạt loại giỏi [1.1-1].

Ngày càng nhiều giảng viên áp dụng hình thức đánh giá kết quả học tập từng học phần thông qua hình thức làm tiểu luận. Hình thức này giúp sinh viên kết hợp tốt hoạt động học tập và nghiên cứu khoa học.

Trung bình hằng năm, có khoảng gần 20 % sinh viên năm thứ 4 được làm khóa luận tốt nghiệp [1.1-1]. Trong điều kiện tỉ lệ sinh viên trên 1 giảng viên quá cao như hiện nay thì tỉ lệ làm khóa luận tốt nghiệp như vậy cũng thể hiện sự cố gắng lớn của các giảng viên trong Khoa. Hình thức làm khóa luận đó giúp sinh viên có thêm cơ hội tập sự nghiên cứu khoa học.

Hội thảo Khoa học của sinh viên Khoa Ngữ văn được tổ chức khoảng 1- 2 năm / một lần. Hằng năm, trong các Hội thảo Khoa học dành cho sinh viên của Trường,

sinh viên Khoa Ngữ văn đều có tham gia và thường đoạt được giải cao, nhiều sinh viên đoạt giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học cấp bộ. Năm học 2007 – 2008, tất cả 3 đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên Khoa Ngữ văn tham gia Hội thảo khoa học cấp trường đều đoạt giải, trong đó có 1 giải nhất (được gửi đi tham gia xét giải sinh viên nghiên cứu khoa học cấp bộ ) và 2 giải 3 [2.4-3].

## **2. Những điểm mạnh**

– Sinh viên Khoa Ngữ văn được học tập trong môi trường lành mạnh, trong sáng. Tuyệt đối không có hiện tượng tiêu cực, gây áp lực tiêu cực đối với sinh viên từ các giảng viên. Phần đông giảng viên làm việc tâm huyết, tuy không mấy ai thực sự quan tâm đến những khó khăn của họ.

– Sinh viên được học tập kết hợp với nghiên cứu khoa học, từ hình thức đơn giản như làm tiểu luận cho đến viết khóa luận tốt nghiệp. Nhờ vậy, sinh viên của Khoa tỏ ra vượt trội hơn nhiều sinh viên các khoa khác trong những hội nghị khoa học của sinh viên do nhà trường tổ chức.

## **3. Những tồn tại**

Những năm gần đây, số hệ đào tạo cũng như số sinh viên của Khoa tăng mạnh, trong khi đó số lượng giảng viên và cơ cấu đội ngũ cán bộ quản lý gần như không thay đổi. Điều đó hạn chế nhiều khả năng các giảng viên giúp sinh viên đổi mới phương pháp học tập để nâng cao hiệu quả. Học tập kết hợp với hoạt động nghiên cứu khoa học chưa thực sự được phổ biến rộng khắp và chưa có chiều sâu.

## **4. Kế hoạch hành động**

(1) Điều chỉnh để có tỉ lệ sinh viên trên giảng viên thích hợp, nhờ đó sinh viên được hỗ trợ tốt hơn trong quá trình học.

(2) Đổi mới hơn nữa phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực, tăng cường tính thực hành, giúp sinh viên kết hợp tốt hơn nữa học tập và nghiên cứu khoa học.

## **5. Tự đánh giá:**

Đạt tiêu chí đánh giá.

**Tiêu chí 4.4:** Được tạo điều kiện rèn luyện tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và tham gia tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và các đoàn thể khác theo quy định của pháp luật.

### 1. Mô tả

Sinh viên được tạo điều kiện rèn luyện tư tưởng chính trị, lối sống thông qua sinh hoạt tập thể lớp (các lớp đều có giáo viên chủ nhiệm); thông qua hoạt động của Đoàn thanh niên và Hội sinh viên. Sinh hoạt của sinh viên trong các tổ chức đoàn thể này thường theo một số chủ đề tư tưởng, và một số chủ điểm nhất định trong chương trình hành động của năm học và khóa học. Một số hình thức câu lạc bộ, hội thi, hội diễn, hoạt động xã hội tình nguyện, hành trình về nguồn,... thường được tổ chức có định hướng rõ rệt: vừa như là các sân chơi, hỗ trợ cho học tập, rèn luyện nghiệp vụ, vừa rèn luyện tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống cho sinh viên [4.4-2].

Công tác Đoàn thanh niên, Hội sinh viên được tổ chức duy trì theo nguyên tắc đề cao vai trò, năng lực tự quản của sinh viên. Tuy vậy, Khoa và chi ủy Khoa cũng phân công phụ trách, theo dõi, giúp đỡ đúng mức.

Sau bốn năm học tập, rèn luyện, tu dưỡng, đa số sinh viên trưởng thành hẳn lên. Sự trưởng thành ấy đã được ghi nhận và mang lại lợi ích chính trị thiết thực cho họ. Năm năm gần đây có 11 đối tượng là sinh viên Khoa Ngữ văn đã được kết nạp Đảng.

### 2. Những điểm mạnh

- Phong trào sinh viên, hoạt động Đoàn thanh niên ở Khoa Ngữ văn được duy trì tương đối tốt, tinh thần tự nguyện, tự quản được khuyến khích, đề cao.
- Công tác phát triển Đảng trong khu vực sinh viên khá nhanh và hiệu quả (nhanh và hiệu quả hơn so với công tác này trong khu vực giảng viên).

### 3. Những tồn tại

- Không ít sinh viên do nhiều nguyên nhân khác nhau, chưa điều phối tốt thời gian học tập với thời gian tham gia, hưởng ứng các hoạt động của tập thể lớp, chi đoàn, chi hội.
- Sinh hoạt đoàn thể trong sinh viên nhiều khi còn khô khan, đơn điệu, thiếu hấp dẫn.

#### 4. Kế hoạch hành động

(1) Tìm và bổ sung thêm một số hình thức sinh hoạt trẻ trung, sôi nổi, bổ ích, hấp dẫn đối với sinh viên.

(2) Đề nghị Đoàn thanh niên, Hội sinh viên định kì tổ chức *Diễn đàn sinh viên sư phạm Ngữ văn* (một loại diễn đàn mang màu sắc nghề chuyên môn đặc thù dành cho sinh viên).

#### 5. Tự đánh giá:

Đạt tiêu chí đánh giá.

**Tiêu chí 4.5:** Được cung cấp các dịch vụ hỗ trợ ăn, ở và giải trí; được đảm bảo các chế độ chính sách xã hội theo quy định; được tạo điều kiện nâng cao sức khoẻ, phát triển thể chất và được đảm bảo về dịch vụ y tế học đường.

#### 1. Mô tả

Khoa, theo quy định, không có nguồn tài chính và nhân lực để tổ chức những hoạt động hỗ trợ như vậy. Vì vậy, tiêu chí này, trên căn bản, không thích hợp để đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

Tuy vậy, có một số nội dung có thể được phân tích một chút ở đây.

Ban chủ nhiệm và các giảng viên của Khoa rất có ý thức tạo điều kiện cho sinh viên nghèo vượt qua khó khăn. Nhiều trường hợp sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, không có tiền để thuê nhà ở bên ngoài, nhưng chưa xin được vào ở trong kí túc xá của Trường, Khoa đã can thiệp với Ban giám đốc kí túc xá để giải quyết quyền lợi cho sinh viên.

Hiện nay, có 217 sinh viên của Khoa được ở trong kí túc xá của Trường [4.4.-2].

Hằng năm, vào dịp chuẩn bị đón năm mới, Khoa đều tổ chức đến kí túc xá thăm những sinh viên do nhà xa, kinh tế khó khăn phải ở lại đón Tết ở kí túc xá.

Khoa có một quỹ khuyến học được lập ra từ tiền đóng góp hằng tháng của các giảng viên và một số mạnh thường quân, chủ yếu cũng là các nhà giáo lâu năm của Khoa. Quỹ này dùng vào việc hỗ trợ đột xuất cho những sinh viên gặp hoàn cảnh khó

khăn đặc biệt. Gần đây có thêm Quỹ học bổng do GS.NGND. Lê Trí Viễn đóng góp. Số tiền của GS. được gửi vào ngân hàng. Hằng năm, Khoa lấy tiền lãi ngân hàng để phát thưởng cho những sinh viên nghèo, nhưng học giỏi. Tổng số tiền của Quỹ khuyến học lên đến gần 100 triệu đồng. Ngày 20 tháng 11 năm 2008 vừa qua, nhân ngày Nhà giáo Việt Nam, Khoa đã tổ chức lễ trao học bổng cho 3 sinh viên nghèo, biết vượt qua khó khăn để học giỏi là: Phạm Thị Hoàng Dung, Nguyễn Thị Ngọc Kim, Vy Thị Hồng Hà. Mỗi suất học bổng trị giá 2 triệu đồng [4.5-3].

## **2. Những điểm mạnh**

Khoa có mối quan hệ gần gũi và quan tâm đến sinh viên, đặc biệt là những sinh viên nghèo.

## **3. Những tồn tại**

Nguồn tài chính của Khoa không có gì đáng kể, chỉ có được từ nguồn tiền tiết kiệm của các giảng viên, nguồn lực của Trường rất nghèo nàn, vì vậy việc hỗ trợ cho sinh viên hết sức hạn chế.

## **4. Kế hoạch hành động**

(1) Phát triển quỹ khuyến học của Khoa để có thêm nguồn tài chính hỗ trợ cho những sinh viên nghèo gặp khó khăn đột xuất.

(2) Tăng cường phối hợp chặt chẽ hơn nữa với nhà trường để thực hiện tốt việc bố trí phòng ở trong kí túc xá cho những sinh viên thuộc diện gia đình chính sách, sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đảm bảo các chế độ chính sách xã hội theo quy định.

## **5. Tự đánh giá:**

Chưa đạt tiêu chí đánh giá.



**Tiêu chí 4.6:** Chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện đạo đức, tư tưởng chính trị, lối sống và đạt kết quả tốt.

### **1. Mô tả**

Sinh viên Ngữ văn nhìn chung khá chăm chỉ chuyên cần, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập và rèn luyện đạo đức, lối sống. Ai cũng xem học tập rèn luyện như một nhiệm vụ chính trị, thậm chí như một nhu cầu của bản thân, không mấy ai học vì bị áp chế, kể cả những sinh viên vì hoàn cảnh khó khăn, ít nhiều bị phân tán bởi việc làm thêm để chi tiêu trang trải sinh hoạt hàng ngày. Có thể thấy rõ điều này qua tỉ lệ sinh viên đến lớp nghe giảng chính khóa đều đặn chuyên cần, số lượng sinh viên bỏ thời gian đến thư viện mượn và đọc sách, qua thái độ lo lắng, chuẩn bị của họ cho từng bài thi, từng tiết giảng tập. Mặc dù khó khăn thiếu thốn, nhiều sinh viên cũng cố gắng chắt chiu dành dụm tiền để mua sách, tài liệu chuyên môn.

Khi được yêu cầu, đa số sinh viên tỏ ra có ý thức và có cố gắng hợp tác với nhau, hợp tác với giảng viên trong các giờ học trên lớp. Nhiều sinh viên đã tạo được cho mình thói quen đi thư viện đọc sách, hào hứng thuyết trình về những đề tài đã được chuẩn bị, nêu thắc mắc và tranh luận về các vấn đề được nêu ra từ nội dung bài học.

Nhìn từ góc độ kết quả học tập, điều quan trọng nhất có lẽ chưa phải là kết quả học tập của sinh viên như thế nào (điểm số cao hay thấp, điểm khá, giỏi chiếm tỉ lệ thế nào, tỉ lệ sinh viên phải thi lại học phần,...) mà ở tinh thần cố gắng tự vượt lên chính mình để đạt mục tiêu học tập của bản thân (chẳng hạn, phấn đấu đứng đầu hay tốp đầu lớp, đủ tiêu chuẩn làm khóa luận tốt nghiệp, không có môn thi lại,...).

Tuy nhiên, đối với sinh viên sư phạm Ngữ văn, phương châm “biên quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo”, do nhiều nguyên nhân, vẫn gặp không ít khó khăn, hạn chế. Trong những nguyên nhân ấy, có sự khập khiễng giữa mục tiêu, phương châm đào tạo với điều kiện, phương pháp dạy học.

### **2. Những điểm mạnh**

Tinh thần chăm chỉ ham học, ý thức cầu tiến, sự năng động của sinh viên.

### 3. Những tồn tại

– Các hoạt động thực hành theo nhóm, hoạt động ngoài lớp học của sinh viên còn chiếm một tỉ lệ ít ỏi và chưa thể nói là thực sự có hiệu quả.

– Sự trao đổi về kinh nghiệm và phương pháp học tập còn ít được quan tâm và chưa phát huy tác dụng tích cực của nó.

### 4. Kế hoạch hành động

(1) Đề nghị nhà trường tăng đầu sách công cụ, sách tham khảo sư phạm Ngữ văn trong thư viện (có danh mục đề xuất); mua sắm thêm trang thiết bị phục vụ, hỗ trợ học tập cho sinh viên trong và ngoài giờ học.

(2) Xây dựng phòng hoạt động nghiệp vụ, bộ môn; tăng cường lực lượng giảng viên cố vấn học tập và hướng dẫn thực hành.

(3) Tổ chức hội nghị trao đổi kinh nghiệm, phương pháp học tập trong sinh viên; tạo nhiều cơ hội giao tiếp giữa sinh viên các năm cuối với năm đầu để họ chỉ dẫn, học hỏi lẫn nhau.

(4) Tạo sự đồng bộ, hỗ trợ giữa phương pháp dạy của giảng viên và phương pháp học của sinh viên; khuyến khích các phương pháp dạy học dự án, dạy học có hoạt động theo nhóm, dạy học tương tác, dạy học nêu vấn đề; thử nghiệm một số hình thức tự đánh giá kết quả học tập của sinh viên,...

### 5. Tự đánh giá:

Đạt tiêu chí đánh giá.

### Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Sinh viên Khoa Ngữ văn được đảm bảo tuyển chọn công bằng và khách quan. Được phổ biến các quy định về tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và các quy định khác có liên quan của nhà trường. Được tạo điều kiện học tập và tham gia nghiên cứu khoa học. Được tạo điều kiện rèn luyện tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và tham gia tổ chức Đảng, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các đoàn thể khác theo quy định của pháp luật. Chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện đạo đức, tư tưởng chính trị, lối sống và đạt kết quả tốt. Tuy nhiên, sinh viên của Khoa chưa được cung cấp tốt các

dịch vụ hỗ trợ cho quá trình học tập. Điều kiện tự học và nghiên cứu khoa học còn rất hạn chế.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 5.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 1.

### **Tiêu chuẩn 5: Học liệu, thiết bị dạy học và cơ sở vật chất khác hỗ trợ chương trình đào tạo giáo viên trung học phổ thông**

#### **Mở đầu:**

Cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động đào tạo có ảnh hưởng hết sức quan trọng đến chất lượng đào tạo. Đáng tiếc là tình trạng thiếu thốn về cơ sở vật chất là một điểm yếu “kinh niên” của giáo dục Việt Nam. Tuy không phải là nơi thiếu thốn nhất, nhưng Khoa Ngữ văn cũng có thể coi là một ví dụ khá điển hình về sự nghèo nàn nguồn lực vật chất của một cơ sở đào tạo đại học.

***Tiêu chí 5.1:*** Hệ thống học liệu của khoa, đáp ứng yêu cầu đào tạo giáo viên trung học phổ thông.

#### **1. Mô tả**

Học liệu đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện đúng tinh thần đào tạo đại học là dạy cách tự học, dạy học thông qua hoạt động tự nghiên cứu. Học liệu phục vụ cho công tác đào tạo dựa chủ yếu vào thư viện của Trường. Tuy nhiên, số lượng sách không nhiều, máy nối mạng quá ít, đường truyền không ổn định, không gian thư viện chật hẹp, trang thiết bị hỗ trợ thiếu thốn.

Trong nhiều năm, Khoa đã dành dụm từ điển, giáo trình, chuyên luận tham khảo, tạp chí chuyên ngành, v.v. từ nhiều nguồn, chủ yếu là biếu tặng, để xây dựng tủ sách của Khoa [5.1-1]. Tủ sách này phục vụ cho cả giảng viên và sinh viên. Có một giảng viên kiêm nhiệm công tác quản lý tủ sách này. Tuy nhiên số lượng tài liệu không đáng kể, chủng loại không phong phú. Nếu có nhiều tài liệu thì Khoa cũng không tìm đâu ra không gian để lưu trữ và phục vụ người đọc. Vì vậy, có thể nói sinh viên của Khoa chưa thực sự được tiếp cận với nguồn học liệu tốt để học tập.

## 2. Những điểm mạnh

Khoa nhận thức rõ tầm quan trọng của học liệu, nên chủ động tự xây dựng tủ sách riêng của mình.

## 3. Những tồn tại

Học liệu thiếu thôn nghiêm trọng về số lượng và chưa bảo đảm chất lượng. Chưa đủ đáp ứng nhu cầu tối thiểu của sinh viên.

## 4. Kế hoạch hành động

Trong các phiên họp của Trường, Khoa Ngữ văn là một trong những đơn vị mạnh mẽ đề nghị nhà trường ưu tiên phát triển thư viện, trước hết là không gian cho kho lưu trữ và phòng đọc. Cải tiến hơn nữa công tác phục vụ sinh viên. Khoa sẽ tiếp tục đề nghị như vậy. Trong giới hạn chức năng, nhiệm vụ, khả năng tài chính của mình, Khoa không có và không thể có kế hoạch riêng để phát triển lĩnh vực học liệu.

## 5. Tự đánh giá:

Chưa đạt tiêu chí đánh giá.

**Tiêu chí 5.2:** Có các thiết bị giáo dục đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học và quản lý điều hành.

### 1. Mô tả

Các thiết bị giáo dục đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học và quản lý điều hành của Khoa chỉ gồm vài thứ có thể liệt kê được ngay, đó là: 4 máy tính để bàn, trong đó có 2 cái gần như hỏng thường xuyên vì quá cũ, 2 cái thường dùng được nối mạng Internet, tuy mạng không được ổn định lắm; 1 máy in; 1 máy photocopy; 2 máy tính xách tay, 1 projector phục vụ cho các hoạt động ngoại khóa của sinh viên, các giờ tập giảng, các cuộc thi nghiệp vụ, hội thảo khoa học do Khoa tổ chức.

### 2. Những điểm mạnh

Không có.

### 3. Những tồn tại

Các thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học và quản lý điều hành còn ít ỏi và sử dụng không được tiện lợi.

### 4. Kế hoạch hành động

Khi văn phòng Khoa được mở rộng, nhất là Ban chủ nhiệm Khoa có phòng làm việc riêng, Khoa sẽ đề nghị nhà trường tăng cường thêm trang thiết bị, để có thêm máy tính phục vụ cho các công việc riêng biệt, chẳng hạn có máy tính để lưu trữ và xử lý dữ liệu đào tạo hằng ngày, có máy tính riêng cho Ban chủ nhiệm Khoa, có một số máy tính riêng cho các giảng viên để khi cần giảng viên có thể làm việc bằng máy tính ngay tại văn phòng Khoa. Tất cả máy tính đều được nối mạng với đường truyền tốc độ cao và ổn định.

### 5. Tự đánh giá:

Chưa đạt tiêu chí đánh giá.

**Tiêu chí 5.3:** Có hệ thống phòng chức năng, phòng học, phòng thí nghiệm thực hành có đủ số lượng, diện tích, đảm bảo quy cách và được sử dụng có hiệu quả.

#### 1. Mô tả

Khoa Ngữ văn không phải là một đơn vị đào tạo độc lập, nên không có hệ thống phòng học riêng. Những phòng học được Trường trang bị ở nhà M, nhà A tại 280 An Dương Vương và nhà B tại 222 Lê Văn Sĩ đều chật hẹp, cũ kỹ và nóng bức. Những phòng học ở nhà C tại 280 An Dương Vương thì mới nhưng thường quá tải vì sinh viên quá đông. Do thiết kế không hợp lý nên khá ồn và nóng.

Phòng học quá ít so với số lượng sinh viên, nên sinh viên và giảng viên đều phải làm việc quá căng thẳng. Giờ học buổi sáng bắt đầu từ 6g30, buổi chiều bắt đầu từ 12g30, mỗi buổi 6 tiết. Đó là một lịch học rất phản khoa học và thiếu tính sư phạm, làm hao mòn khá nhanh sức khỏe và cảm hứng của người dạy và người học. Vì vậy, trên thực tế, ít có giảng viên nào thực hiện được lịch dạy đúng như quy định của Trường.

Nhiều năm nay, Khoa Ngữ văn đã nhiều lần đề nghị nhà trường trang bị cho một phòng chức năng để thực hành, chủ yếu là dùng để thực hành nghiệp vụ sư phạm, thế nhưng cho đến nay một phòng như vậy vẫn chưa có.

## **2. Những điểm mạnh**

Không có.

## **3. Những tồn tại**

Hệ thống phòng học dành cho Khoa rất thiếu về số lượng, rất kém về chất lượng. Hoàn toàn chưa có các phòng chức năng và phòng thực hành.

## **4. Kế hoạch hành động**

Chờ sự thay đổi chính sách đầu tư của nhà nước đối với đại học sư phạm và sự quan tâm của nhà trường đối với Khoa.

## **5. Tự đánh giá:**

Chưa đạt tiêu chí đánh giá.

*Tiêu chí 5.4:* Có đủ điều kiện về cơ sở vật chất phục vụ giáo dục thể chất đáp ứng nhu cầu tập luyện và tổ chức các hoạt động thể dục thể thao để nâng cao sức khỏe và phát triển thể chất cho người học.

## **1. Mô tả**

Khoa không có cơ sở riêng. Ở Trường thì chỉ có một nhà thi đấu ở 280 An Dương Vương và một sân bóng nhỏ ở kí túc xá. Nói chung, cơ sở vật chất phục vụ giáo dục thể chất đáp ứng nhu cầu tập luyện sức khỏe cho người học chưa đáp ứng được nhu cầu tối thiểu.

## **2. Những điểm mạnh**

Không có.

### 3. Những tồn tại

Cơ sở vật chất nghèo nàn. Nhu cầu rèn luyện thể chất của sinh viên chưa thực sự được quan tâm. Nói chính xác hơn, dù nhà trường và Khoa có quan tâm thì cũng không có đủ nguồn lực để thực hiện.

### 4. Kế hoạch hành động

Khoa không có nguồn lực để có kế hoạch riêng về vấn đề này.

### 5. Tự đánh giá:

Chưa đạt tiêu chí đánh giá.

**Tiêu chí 5.5:** Định kỳ đánh giá và có các biện pháp cải tiến nâng cao chất lượng, hiệu quả sử dụng các cơ sở vật chất, phòng chức năng, phòng học, phòng thí nghiệm thực hành.

#### 1. Mô tả

Khoa thường xuyên đánh giá và nhận thấy rõ sự thiếu hụt về cơ sở vật chất, phòng chức năng, phòng học, phòng thực hành. Trong các buổi họp Khoa và họp Trường, Ban chủ nhiệm Khoa và các giảng viên thường xuyên phản ánh với nhà trường sự thiếu hụt về phòng học, phòng thực hành và những bất cập về trang thiết bị trong phòng học và đề nghị nhà trường hỗ trợ.

Tuy nhiên, nhiều khó khăn nằm ngoài khả năng giải quyết của nhà trường, nên đành phải chờ đợi. Trong khi chờ đợi sự đầu tư của nhà nước và nhà trường, Khoa phải áp dụng nhiều biện pháp để sử dụng hiệu quả những gì đã có, chẳng hạn, ngoài việc dạy mỗi buổi 6 tiết theo quy định của nhà trường, Khoa tận dụng các phòng học để sinh viên thực hành nghiệp vụ sư phạm khi phòng học không có giờ học chính khóa, sử dụng văn phòng Khoa, vốn rất chật hẹp để tổ chức thi lại cho sinh viên. Đó là chưa kể đến việc phải dùng văn phòng Khoa để cho sinh viên họp và tổ chức các sinh hoạt ngoại khóa.

#### 2. Những điểm mạnh

- Có đánh giá định kì về cơ sở vật chất phục vụ hoạt động đào tạo.
- Tận dụng hết mức cơ sở vật chất hiện có để hoàn thành nhiệm vụ đào tạo.

### **3. Những tồn tại**

Khoa chỉ có khả năng đánh giá và phản ánh thực trạng với Trường, hoàn toàn không có nguồn lực để cải thiện tình hình.

### **4. Kế hoạch hành động**

Phối hợp với nhà trường để tận dụng tốt nhất cơ sở vật chất hiện có phục vụ cho hoạt động đào tạo của Khoa. Đề nghị nhà trường sớm trang bị cho Khoa một phòng thực hành riêng. (Theo tin mà chúng tôi được biết, Trường đã dự kiến cấp cho Khoa một phòng riêng làm phòng thực hành, nhưng cho đến nay, Khoa vẫn chưa được tiếp nhận).

### **5. Tự đánh giá:**

Đạt tiêu chí đánh giá.

***Tiêu chí 5.6:*** Đảm bảo môi trường sư phạm xanh, sạch, đẹp, an toàn, không bạo lực, không tệ nạn xã hội.

#### **1. Mô tả**

Cơ sở đào tạo của Khoa nằm trong khuôn viên của Trường. Nói chung không gian khá chật hẹp, nhà cửa, giảng đường chủ yếu là cũ nát, môi trường chưa đạt được tiêu chuẩn sạch và đẹp. Tuy nhiên, nhà trường, cũng như Khoa đã cố gắng bảo đảm tạo một môi trường an toàn, không bạo lực, không tệ nạn xã hội.

#### **2. Những điểm mạnh**

Môi trường an toàn, không bạo lực, không có tệ nạn.

#### **3. Những tồn tại**

Không gian chật hẹp. Nhà cửa, giảng đường phần lớn cũ nát.

#### **4. Kế hoạch hành động**

Tăng cường giáo dục sinh viên ý thức xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh. Trong phạm vi đơn vị đào tạo trực tiếp, không có chức năng xây dựng cơ sở vật



chất, Khoa cố gắng xây dựng môi trường từ góc độ văn hóa, còn từ góc độ cơ sở vật chất đành phải chờ sự quan tâm của nhà nước.

### **5. Tự đánh giá:**

Chưa đạt tiêu chí đánh giá.

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 5:**

Nhìn chung, học liệu, thiết bị dạy học và những cơ sở vật chất khác hỗ trợ chương trình đào tạo giáo viên trung học phổ thông của Khoa là nghèo nàn, chưa đạt yêu cầu đối với một cơ sở đào tạo giáo viên một bộ môn cơ bản ở một trường đại học được coi là trọng điểm.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 1.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 5.

### **Tiêu chuẩn 6: Công tác tài chính phục vụ chương trình đào tạo giáo viên trung học phổ thông**

#### **Mở đầu:**

Khoa không có quyền hạn về mặt tài chính. Lĩnh vực này do Trường nắm hoàn toàn. Mọi hoạt động đều phải xin kinh phí của Trường. Vì vậy, nhìn chung, để đánh giá chất lượng chương trình đào tạo cấp khoa, thì tiêu chuẩn này chỉ có thể áp dụng ở mức hết sức hạn chế.

**Tiêu chí 6.1:** Có kế hoạch tài chính và quản lý tài chính đảm bảo cho hoạt động đào tạo giáo viên trung học phổ thông.

#### **1. Mô tả**

Hàng năm Khoa đều lập một bản dự trù kinh phí dành cho hoạt động chuyên môn trong năm [6.1-1]. Việc lập dự trù kinh phí như vậy tạo sự chủ động cho Khoa và nhà trường trong việc lập kế hoạch và triển khai kế hoạch. Tuy nhiên nguồn tài chính Trường cấp cho Khoa khá eo hẹp.

## 2. Những điểm mạnh

Có dự trù tài chính cho hoạt động đào tạo của năm sau.

## 3. Những tồn tại

Kinh phí eo hẹp. Đơn vị thiếu quyền tự chủ, nên gặp nhiều lúng túng trong việc sử dụng kinh phí.

## 4. Kế hoạch hành động

Phụ thuộc vào quy chế của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Trường. Đây không phải là lĩnh vực mà Khoa có thẩm quyền để lập một kế hoạch hành động để phát huy điểm mạnh và hạn chế tồn tại.

## 5. Tự đánh giá:

Chưa đạt tiêu chí đánh giá.

**Tiêu chí 6.2:** Thực hiện chế độ kiểm tra, giám sát, đánh giá, báo cáo về tài chính theo quy định.

### 1. Mô tả

Trường cấp tài chính cho Khoa theo từng hoạt động cụ thể. Sau khi kết thúc từng hoạt động cụ thể Khoa nộp chứng từ cho phòng Kế hoạch tài chính của Trường, vì vậy không cần thực hiện chế độ báo cáo tài chính. Việc kiểm tra, giám sát, đánh giá tài chính cũng do phòng chức năng thực hiện.

### 2. Những điểm mạnh

Không có.

### 3. Những tồn tại

Phụ thuộc.

### 4. Kế hoạch hành động

Cố gắng tiếp tục góp ý với Trường để cải tiến hơn nữa công tác tài chính, nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho hoạt động của Khoa.

**5. Tự đánh giá:**

Không đánh giá được.

**Tiêu chí 6.3:** Có các nguồn tài chính hợp pháp hỗ trợ hoạt động đào tạo.

**1. Mô tả**

Trong cơ chế hiện nay, cấp Khoa hoàn toàn không có quyền và khả năng có nguồn tài chính hợp pháp để hỗ trợ hoạt động đào tạo

**2. Những điểm mạnh**

Không có.

**3. Những tồn tại**

Phụ thuộc.

**4. Kế hoạch hành động**

Chờ đổi mới của cơ chế quản lý tài chính ở trường đại học.

**5. Tự đánh giá**

Không đánh giá được.

**Tiêu chí 6.4:** Thực hiện công khai tài chính và có cơ chế để cán bộ, giảng viên tham gia kiểm tra, giám sát tài chính.

**1. Mô tả**

Công khai tài chính và có cơ chế để cán bộ, giảng viên tham gia kiểm tra, giám sát tài chính là điều kiện để xây dựng một tổ chức đoàn kết và có sức mạnh.

**2. Những điểm mạnh**

– Những khoản chi tiêu của Khoa là minh bạch.

– Giảng viên được tham gia góp ý cho quy chế thu chi nội bộ của Trường. Tuy nhiên, tác dụng của những góp ý đó rất hạn chế.

### **3. Những tồn tại**

Chưa có cơ chế để giảng viên giám sát được thực sự hoạt động tài chính của nhà trường.

### **5. Tự đánh giá**

Không đánh giá được.

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 6:**

Công tác quản lý tài chính ở các trường đại học Việt Nam nói chung và Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh nói riêng hiện nay là rất lạc hậu, kìm hãm sự phát triển và thủ tiêu động lực làm việc của giảng viên. Trường có rất ít quyền tự chủ. Vì vậy Khoa hầu như không có quyền gì trong lĩnh vực này.

Nói chung, tiêu chuẩn này không thích hợp để đánh giá ở cấp khoa.

### **Tiêu chuẩn 7: Công tác đánh giá sinh viên tốt nghiệp và hoạt động tư vấn việc làm thuộc chương trình đào tạo giáo viên trung học phổ thông**

*Tiêu chí 7.1:* Thực hiện đánh giá phẩm chất, tư tưởng chính trị, đạo đức nghề nghiệp và năng lực của sinh viên tốt nghiệp; đảm bảo chính xác, công bằng, khách quan trong đánh giá.

#### **1. Mô tả**

Việc đánh giá phẩm chất, tư tưởng chính trị, đạo đức nghề nghiệp và năng lực của sinh viên phải được theo dõi trong suốt quá trình học tập. Công tác này đòi hỏi sự cộng tác từ nhiều phía như giảng viên, Đoàn thanh niên, hội sinh viên và phải được thực hiện trong từng học kì. Nếu làm tốt, công tác này sẽ góp phần động viên sinh viên.

Công tác đánh giá sinh viên được Khoa thực hiện thường xuyên [7.1-1]. Việc đánh giá diễn ra công bằng, dân chủ và khách quan. Trước hết, trong mỗi đợt đánh giá,

mỗi sinh viên tự đánh giá mình, sau đó đánh giá đó sẽ được thảo luận và thống nhất ở tổ, nhóm, rồi đến lớp. Sau khi tập thể lớp thống nhất, kết quả đó sẽ được chuyển lên Khoa xem xét. Thông thường, Khoa tôn trọng sự đánh giá của tập thể sinh viên và phê duyệt.

## **2. Những điểm mạnh**

Quy trình đánh giá phát huy được tính tự chủ của sinh viên. Nhờ vậy bảo đảm tính công bằng, dân chủ và khách quan.

## **3. Những tồn tại**

Có một số phương diện không được lượng hóa nên kết quả chỉ có giá trị tương đối.

## **4. Kế hoạch hành động**

Ngoài kết quả học tập, một số phương diện đánh giá khác sẽ được lượng hóa. Hồ sơ học tập cá nhân của sinh viên sẽ được theo dõi, nhận xét, đánh giá theo từng học kì.

## **5. Tự đánh giá:**

Đạt tiêu chí đánh giá.

**Tiêu chí 7.2:** Thực hiện theo dõi và đánh giá tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp; xây dựng cơ sở dữ liệu về sinh viên của Khoa.

### **1. Mô tả**

Theo dõi tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp là việc làm hết sức cần thiết. Nó giúp Khoa có cơ sở để đánh giá đầu ra của chương trình đào tạo, làm căn cứ để phát triển chương trình phù hợp với nhu cầu của xã hội. Xây dựng cơ sở dữ liệu về cựu sinh viên cũng là việc cần làm đối với một cơ sở đào tạo. Cơ sở dữ liệu này giúp duy trì được mối liên hệ thường xuyên giữa cơ sở đào tạo và cựu sinh viên. Qua đó cơ sở đào tạo vừa có thể nhận được những thông tin phản hồi về sản phẩm đào tạo, vừa có thể tranh thủ được nguồn lực vật chất và tinh thần phục vụ cho hoạt động đào tạo của mình.

## **6. Những điểm mạnh**

Điểm đầu vào của sinh viên Ngữ văn là khá cao. Sinh viên của Khoa năng động và dễ thích nghi với thực tiễn xã hội. Khoa Ngữ văn có lực lượng cựu sinh viên rất đông đảo. Nhiều người đã trở thành những nhà giáo có uy tín, những nhà lãnh đạo, quản lí có vị trí cao trong ngành giáo dục và trong xã hội nói chung.

## **7. Những tồn tại**

– Việc theo dõi tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp còn nặng về cảm tính và thiếu tính hệ thống. Theo một nề nếp chung của hầu hết các cơ sở đào tạo đại học của Việt Nam từ trước đến nay, Khoa chưa có cơ sở dữ liệu đầy đủ về cựu sinh viên.

– Hạn chế này có một phần từ yếu tố khách quan là lâu nay, Khoa chỉ có nhiệm vụ đào tạo, việc quản lí hồ sơ sinh viên (tuyển sinh cũng như tốt nghiệp) chủ yếu do Trường đảm nhiệm. Vì vậy những thông tin của sinh viên sau khi ra trường Khoa rất khó nắm bắt.

## **8. Kế hoạch hành động**

(1) Phối hợp với nhà trường để lập cơ sở dữ liệu về cựu sinh viên và theo dõi tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Tuy nhiên, trong tương lai gần, nếu cơ chế quản trị đại học không thay đổi, công việc quản lí, giảng dạy cho sinh viên nhiều hệ đào tạo khác nhau vẫn quá tải đối với Ban chủ nhiệm Khoa và các giảng viên thì việc phối hợp và theo dõi này rất khó khăn và khó có hiệu quả.

(2) Thành lập hội cựu sinh viên của Khoa. Thông qua một vài đầu mối để nắm rõ thông tin về các sinh viên đã tốt nghiệp. Nhân những ngày lễ lớn của Khoa, tranh thủ thu thập thông tin qua các phiếu cung cấp thông tin.

## **5. Tự đánh giá:**

Chưa đạt tiêu chí đánh giá.

**Tiêu chí 7.3:** Triển khai các hoạt động về tư vấn nghề nghiệp và việc làm cho sinh viên tốt nghiệp.

### **1. Mô tả**

Chương trình đào tạo của Khoa xác định rõ là đào tạo giáo viên ngữ văn trung học phổ thông. Định hướng nghề nghiệp của sinh viên rất cụ thể. Vì vậy, nếu hiểu “tư vấn nghề nghiệp và việc làm” theo nghĩa giúp cho người học chọn đúng nghề nghiệp mà họ có sở trường và yêu thích thì hoạt động tư vấn không cần đặt ra đối với Khoa. Còn nếu hiểu “tư vấn nghề nghiệp và việc làm” theo nghĩa giúp sinh viên giải đáp những băn khoăn, thắc mắc về chuyên môn, nghiệp vụ thì chủ yếu nằm trong khuôn khổ các môn học đã được thiết kế trong chương trình. Tuy vậy, ở đây có thể phân tích một vài nội dung có liên quan đến tiêu chí hiểu theo nghĩa thứ hai.

Hoạt động tư vấn nghề nghiệp cho sinh viên là một trong những nội dung quan trọng của một cơ sở đào tạo đại học. Nếu được trang bị đầy đủ các hiểu biết về nghề thì sinh viên sẽ có định hướng học tập rõ hơn và đạt kết quả cao hơn.

Hàng năm, sinh viên năm thứ nhất của Khoa được giới thiệu đầy đủ cơ cấu tổ chức, quá trình hình thành, phát triển và chương trình đào tạo của Khoa. Từ năm thứ nhất đến năm thứ tư, các lớp đều có các giáo viên chủ nhiệm [7.3-2].

### **2. Những điểm mạnh**

Lãnh đạo Khoa và nhiều giảng viên gần gũi với sinh viên. Tạo được cho sinh viên một môi trường học tập và sinh hoạt lành mạnh, dễ có sự đồng cảm và chia sẻ. Không khí đó đã trở thành một nền nếp của Khoa, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động tư vấn.

### **3. Những tồn tại**

Nội dung tư vấn chỉ được thực hiện một cách lẻ tẻ và mang tính cá nhân. Khoa chưa thành lập được hội đồng tư vấn. Công tác chủ nhiệm lớp còn nặng về hành chính. Giáo viên chủ nhiệm chưa thật sự là chỗ dựa tinh thần cho sinh viên.

#### **4. Kế hoạch hành động**

Thành lập hội đồng tư vấn của Khoa. Mời những cựu sinh viên thành đạt về Khoa chia sẻ kinh nghiệm với các sinh viên đang theo học. Đối với sinh viên năm thứ tư, trước khi ra trường Khoa chú ý hơn đến việc trang bị kinh nghiệm thực tiễn su phạm để họ sớm thích nghi với môi trường mới.

#### **5. Tự đánh giá:**

Chưa đạt tiêu chí đánh giá.

#### **Kết luận về Tiêu chuẩn 7:**

Khoa Ngữ văn thực hiện khá tốt việc đánh giá phẩm chất, tư tưởng chính trị, đạo đức nghề nghiệp và năng lực của sinh viên tốt nghiệp; đảm bảo chính xác, công bằng, khách quan trong đánh giá. Bước đầu xây dựng cơ sở dữ liệu về sinh viên của Khoa. Tuy nhiên, các hoạt động về tư vấn nghề nghiệp và việc làm cho sinh viên tốt nghiệp và việc theo dõi, đánh giá tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp chưa được thực hiện tốt.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 1.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 2.

### **D. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC VÀ KIẾN NGHỊ**

1. Các biện pháp được đề xuất, các hoạt động cần thực hiện, tổ chức giám sát, đánh giá và thời hạn phải hoàn thành các hoạt động đó.

– Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh cần nhanh chóng thay đổi cách thức quản trị đại học. Đưa các hoạt động chuyên môn, nhất là hoạt động nghiên cứu khoa học, vào đúng quỹ đạo của nó. Có những chính sách bảo đảm cho các giảng viên sống bằng chuyên môn và có thời gian nghiên cứu sâu những vấn đề thuộc khoa học cơ bản và khoa học giáo dục.

– Phát triển nhanh đội ngũ giảng viên, chủ yếu bằng cách tiếp nhận các giảng viên trẻ và tạo mọi điều kiện để họ được học Thạc sĩ và Tiến sĩ ở nước ngoài.

– Xây dựng nhanh và có chất lượng cơ sở vật chất, bảo đảm đủ phòng học, phòng thực hành, phòng thí nghiệm, phòng nghỉ cho giáo viên. Có không gian nhà trường xanh, sạch đẹp và an toàn.



– Có chế độ trợ giảng và phòng làm việc riêng cho các giảng viên có chức danh khoa học từ Phó giáo sư trở lên.

– Phát triển các quan hệ hợp tác quốc tế, tạo điều kiện cho các giảng viên có kinh nghiệm đi nước ngoài nghiên cứu và giao lưu học thuật.

– Có chế độ tài chính mềm dẻo hơn, trao một phần quyền tự chủ cho các đơn vị đào tạo trực tiếp. Chính sách tài chính phải kích thích được các đơn vị đào tạo trực tiếp phát triển quy mô và chất lượng đào tạo.

– Xây dựng được một thư viện lớn và hiện đại để nó thực sự trở thành không gian học tập tốt cho sinh viên.

Những chính sách được đề nghị trên đây phải được thực hiện hoặc có những bước tiến căn bản trong vòng 5 năm tới, vì nhu cầu đổi mới giáo dục rất cấp bách. Tuy vậy, theo dõi tình hình những năm vừa qua, ít hi vọng có thay đổi nào đáng kể trong tương lai gần.

2. Nhận định về tình hình và kết quả thực hiện các kiến nghị trong đợt tự đánh giá lần trước (nếu có), đồng thời đánh giá hiệu quả của các hoạt động tự đánh giá.

Đây mới chỉ là đợt đánh giá đầu tiên.

3. Thời gian tiến hành đợt tự đánh giá tiếp theo: năm 2012.

4. Kiến nghị cấp độ kiểm định có thể đạt được và đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định.

Chương trình đào tạo của Khoa cần có thêm thời gian để hoàn thiện. Trước mắt, Khoa chưa có kế hoạch kiến nghị kiểm định và đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định.

**Phụ lục 1: BẢNG MÃ CÁC THÔNG TIN VÀ BẰNG CHỨNG**

<b>Số TT</b>	<b>Mã thông tin và bằng chứng</b>	<b>Mô tả ngắn gọn thông tin và bằng chứng</b>
1	1.1-1	Tuyển sinh và tốt nghiệp
2	1.1-2	Chương trình đào tạo của Khoa
3	1.1-3	Luật Giáo dục
4	1.1-4	Chương trình Khung của Bộ GD&ĐT (khối ngành Sư phạm)
5	1.2-5	Các văn bản liên quan đến quá trình đổi mới chương trình
6	1.3-6	Website
7	1.3-7	Các văn bản về cơ cấu tổ chức Khoa
8	1.3-8	Danh sách các giảng viên hướng dẫn giảng viên trẻ và những văn bản khác có liên quan
9	1.4-9	Điều lệ trường đại học
10	1.5-10	Phiếu thăm dò ý kiến sinh viên
11	1.5-11	Các biên bản họp Khoa và tổ bộ môn
12	2.3-1	Sách giáo khoa có giảng viên của Khoa tham gia biên soạn
13	2.4-2	Minh chứng về đổi mới phương pháp dạy học
14	2.4-3	Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên
15	2.4-4	Văn bản Khoa và tổ bộ môn bàn về phương pháp dạy học
16	2.5-5	Các hình thức kiểm tra, thi cử
17	2.5-6	Hai cột điểm đánh giá kết quả học kì
18	2.6-7	Văn bản về thực tập sư phạm
19	2.7-8	Tủ sách trưng bày sách do giảng viên của Khoa biên soạn
20	2.8-9	Máy tính dùng cho công tác lưu trữ
21	3.1-1	Danh sách sinh viên tất cả các hệ cử nhân của Khoa
22	3.1-2	Văn bản về các giảng viên về hưu năm 2009
23	3.2-3	Đề tài khoa học cấp Bộ và trường của giảng viên
24	3.5-4	Đội ngũ giảng viên, văn bản cử giảng viên đi học, công tác
25	3.5-5	Tạp chí Khoa đặt cho giảng viên

<b>Số TT</b>	<b>Mã thông tin và bằng chứng</b>	<b>Mô tả ngắn gọn thông tin và bằng chứng</b>
26	3.7-6	Các số tạp chí hợp tác với TC Ngôn ngữ & TC Văn học
27	4.2-1	Các văn bản thông báo ở văn phòng Khoa
28	4.4-2	Công tác hỗ trợ sinh viên
29	4.5-3	Văn bản về sinh viên được trao học bổng
30	5.1-1	Tủ sách tham khảo của Khoa
31	6.1-1	Các văn bản về tài chính
32	7.1-1	Văn bản đánh giá sinh viên
33	7.3-2	Danh sách giáo viên chủ nhiệm

**Phụ lục 2: PHIẾU TỔNG KẾT TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TỪNG TIÊU CHÍ****Tên trường:** Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh**Tên khoa:** Ngữ văn**Khối ngành:** Sư phạm Ngữ văn**Ngày tự đánh giá:** 25 tháng 11 năm 2008**Ký hiệu các mức:** Đ: đạt C: chưa đạt KĐG: không đánh giá**Tiêu chuẩn 1**

	Đ	C	KĐG
1.1	X		
1.2	X		
1.3		X	
1.4	X		
1.5	X		

**Tiêu chuẩn 2**

	Đ	C	KĐG
2.1	X		
2.2		X	
2.3	X		
2.4		X	
2.5	X		
2.6	X		
2.7		X	
2.8	X		

**Tiêu chuẩn 3**

	Đ	C	KĐG
3.1		X	
3.2		X	
3.3	X		
3.4	X		
3.5	X		
3.6	X		
3.7	X		
3.8	X		

**Tiêu chuẩn 4**

	Đ	C	KĐG
4.1	X		
4.2	X		
4.3	X		
4.4	X		
4.5		X	
4.6	X		

**Tiêu chuẩn 5**

	Đ	C	KĐG
5.1		X	
5.2		X	
5.3		X	
5.4		X	
5.5	X		
5.6		X	

**Tiêu chuẩn 6**

	Đ	C	KĐG
6.1		X	
6.2			X
6.3			X
6.4			X

**Tiêu chuẩn 7**

	Đ	C	KĐG
7.1	Đ		
7.2	X		
7.3		X	
7.4		X	

**Tổng hợp:**

Kết quả đánh giá	Đạt	Chưa đạt	Không đánh giá
Số tiêu chí	<b>22</b>	<b>15</b>	<b>3</b>
Tỷ lệ %	<b>55%</b>	<b>37.5%</b>	<b>7.5%</b>